

NĂM THỨ 3

Số 26

Tháng juillet

1937

音·VIEN AM·圖



刊月會學佛

NGUYỆT-SAN
PHẬT-HỌC

Nam - Mô Bồn - Sư
THÍCH - CA MÂU - NI PHẬT
Tác Đại - Chứng - Minh
PHẬT-HỌC-HỘI CHỨNG-MINH ĐẠI-ĐẠO-SƯ
Tây-Ba tự Trụ-Tri : Giác-Nhiên duyệt-y
Phật-Học-Hội Chánh-Hội-Trưởng duyệt-y
Ký tên thể : Lê-dinh-Thâm

MỤC LỤC

I. — QUYỀN ĐẦU NGŨ	
==	Mộng bay lá thạt (Viên-Âm)
II. — DIỄN ĐÀN	
==	Sự cúng-dường chơn-chánh.
==	Bài chúc-từ của ông Lê-dinh-Thâm trong dịp tiếp rước cụ Thượng-thư bộ Giáo-dục tại Annam-Phật- Học-Hội. 13
III. — LUẬN-ĐÀN	
==	Thế-gian tam đại thế-lực. 17
==	Ý-kiến phụ nữ đối với Phật-học. 21
IV. — KINH-HỌC	
==	Đại ý kinh Thủ-Lăng-Nghiêm (tiếp theo). 26
==	Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm Hán-tự (tiếp theo). 28
==	Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm diên-nghĩa (tiếp theo). 33
V. — LUẬN-HỌC	
==	Nhon-minh nhập chánh-lý luận (tiếp theo). 36
==	Cuộc thuyết-pháp tại làng Giàn-Biền gần chùa Linh-Mộ. 42
==	Vấn-đề thọ-trai. 46
VI. — TIN TỨC	
==	Thơ từ vãng-lai. 49
==	Vào Hội Phật-Học có lợi ích gì. 54
VII. — THI-LÂM	
==	Thi-lâm. 62



NAM MÔ BỒN SU
THÍCH CA MAUNIPHẬT

PHẬT - HỌC - HỘI NGUYỆT - SAN

VIÊN-ÂM

Hội Phật-Học ở Huế được nghị-định quan Toàn-Quyền ngày 30 juin 1933 cho phép xuất bản VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN.

Nội dung VIÊN-ÂM chỉ giảng giải đủ các lý-thuyết đạo Phật ra chữ quốc-ngữ và có khi phụ thêm một bài Pháp-văn.

Giá Nguyệt-San.....	{	một năm.....	2\$00
		nửa năm.....	1\$10
		mỗi quyển....	0\$20

Hội-Viên của Hội Phật-Học mua Nguyệt-San thì được trừ 25%

TÒA SOẠN : Route Nam-Giao - Huế

Thơ từ và bài vở xin gửi cho

M. LÊ-ĐÌNH-THẨM

Mandat mua Nguyệt-San xin gửi cho

M. Hoàng-xuân-Ba, Quản-lý

Viên-Âm, Boite postale N° 73 — HUẾ

Phò - Cáo

Các ngài vì đạo-tâm muốn tán-thành Bản San xin ghi tên vào thơ mua Nguyệt-San rồi gửi một lần với mandat để Bản San gửi tiếp số sau cho khỏi trễ và xin các ngài sẵn lòng giới-thiệu giúp.

Xin giữ talon mandat mua Nguyệt-San để thể hiện lại.

Những bài lai-cáo đăng được, Bản San giữ quyền nhuận sắc; bài đăng không được thì không trả bản thảo lại.

Bản San giữ bản quyền. Trích lục phải đề tên Viên-Âm.

Quyền đầu ngũ

MỘNG HAY LÀ THẬT ?

Thường nghe thiên-hạ hay nói: « đời là giấc mộng ». Hỏi vì sao mà gọi là mộng ? thời họ giải rằng: vì đời người không mấy chốc, sự sống tạm này, người thì sống hai ba mươi năm, kẻ lại sống năm sáu mươi năm, có lâu cho lắm nữa, ngoài một trăm năm là cùng. Bởi vậy cho nên gọi là giấc mộng dài đó thôi !

Lại có người hỏi: giấc mộng là một thời-gian ngắn ngủi do ý-tưởng tạo-thành, đến khi mở mắt thời sự thật đã hiển-nhiên, cơ sao đời người một khoản khá dài, lại đến khi chết nào biết gì nữa đâu mà gọi là mộng ? Nói như vậy cũng phải, nhưng xét cho kỹ, cái mà ta gọi rằng chết đó có giống với cái chết tạm trong thời-gian các giấc ngủ không ? Khi ngủ ta cũng như người chết nào có khác gì đâu, ngũ-quang không tiếp xúc với ngũ-trần, cảnh đối với ta thành vô vị, mà thân-tâm ta đều vào một hoàn-cảnh khác, rồi cũng vui buồn ghét giận, cũng cay đắng, an nhàn, nào có khác gì lúc tâm ta đối với cảnh ở ngoài khi đương thức chẳng ???

Xét như vậy thì biết vấn-đề « mộng hay là thật » này không phải những kẻ không dày công-quang-sát đến sự sống chết, đến cái tâm-hồn cảm-giác mà có thể giải quyết được. Vậy ai là người muốn nghiên-cứu cho rõ ràng cái làm cho ta sống là cái gì ? và đời là « mộng hay là thật » nên đề ý suy-nghiệm cho chín chắn, thời sẽ rõ...



DIỄN ĐÀN

SỰ CÙNG ĐƯỜNG CHƠN - CHÁNH
(Bài giảng tại Tourane và các Chi Hội)

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Phật-pháp tuy truyền qua xứ ta đã trên ngàn năm nay, song vì về sau giáo-lý ít kẻ truyền thừa, nên phần nhiều đã thiên về phưng-diện hình-thức. Vẫn biết cái hình-thức kia không trái với chánh-lý, nhưng làm sự mà không hiểu lý thì chỉ cho khỏi làm-đều chểch-lệch. Vì đó mà cái đạo-lý thâm-diệu của đức bản-sư Thích-Ca Mâu-Ni-Phật đối với làm người đã gần hóa ra những lối cầu tài cầu phú của các ngoại đạo.

Thấy cái khuyết-diểm ấy, các bậc cao tăng đại-đức, các nhà hộ-pháp cư-sĩ mới chung nhau tìm phương bồ-cứu, lập thành những hội như An-Nam Phật-Học-Hội chúng ta mà tổ chức những cuộc thuyết-pháp, xuất-bản những tập Nguyệt-San, quyết đem giáo-pháp chơn-chánh của đạo Phật mà truyền bá cho mọi người, để cho ai ai cũng đều biết thế nào là Phật-pháp, cũng đều hiểu thế nào là Phật-pháp, cũng đều có thể tu tập theo Phật-pháp, mong sao một ngày kia cái chơn-tinh-thần của Phật-giáo được thiết-hiện ở cõi Ta-Bà này vậy.

Đối với cái chí-nguyện rộng lớn, cái công-trình vĩ đại kia, ai là người đã tự nhận mình là tịc-dồ Phật-tử lại nở thọc-ơ lãnh đạm mà không ra tay giúp đỡ để cho Hội Phật-Học mau đạt tới mục-đích.

Về phần riêng tôi, đầu tư biết tài hèn đức kém, song cũng gắng giúp một phần về công việc hoằng-pháp của Hội. Vậy nên nay tôi xin bày tỏ cùng các ngài một vài ý-kiến về sự cúng dường chơn-chánh, gọi là một nén tâm-hương đề cầu cho mục-dịch Hoằng-dương Phật-pháp của An-Nam Phật-Học-Hội mau được viên-mãn.

Thưa các ngài, trong xứ ta nhiều người khi gặp việc khó khăn thì đến náo miếu, náo chùa, mà cầu vái cúng cấp, cầu Phật, cầu Thần, cầu Thánh, cầu tiên, đồng kia bóng họ, tuy cầu vái đủ mọi nơi mà thiệt ra thì chưa hề biết Phật là chi, Thần là chi, Thánh là chi, đồng kia bóng họ là chi chi cả. Chỗ hiểu biết đã không rõ ràng, lối tin ngưỡng lại càng thêm lộn lạo, nên tuy có cúng dường Phật thiệt mà về đường tinh-thần đã mất nhiều phần lợi ích.

Tôi nói như vậy chắc có người nghi rằng : đầu chúng ta hiểu biết Phật là chi hay không hiểu biết, song hề đã lạy Phật là được công đức rồi, sao lại gọi rằng mất nhiều phần lợi ích ?

Thưa các ngài, ví như có hai người đồng đến hàng ngày phụng sự một bậc trưởng-giả đức-hạnh hoàn-toàn, giàu có tột bậc. Trong hai người ấy, người thứ nhất chỉ biết bậc trưởng-giả kia là người giàu có nên đến thờ phụng, người thứ nhì thì vì bậc trưởng-giả ấy là người đức-hạnh nên đến hầu-hạ, tuy đồng hầu hạ như nhau mà đối với sự tấn-hóa của tâm-trí thì hai đảng đã khác nhau như trời với vực. Khác là vì người hầu hạ ông nhà giàu tất nhiên trong tâm hàng ngày chỉ muốn cho giàu có, còn người hầu hạ ông đức hạnh thì tất nhiên hàng ngày cũng muốn cho có đức-hạnh. Song giàu có là về phần vật chất, ông trưởng-giả giàu có rộng lòng bố thí nhiều bạc đi nữa, chắc cũng khó hề thỏa được lòng ham muốn, thời người hầu hạ ông nhà giàu kia lúc nào cũng thấy mình thiếu thốn và sanh ra khổ não. Trái lại, đức-hạnh là về tinh-thần, dầu san sẻ bao nhiêu cũng không hết, nên người hầu hạ bậc đức hạnh kia càng ngày càng thấy đức hạnh của mình thêm lâu, muốn đến bậc nào cũng có thể mẫu-nguyện.

vì vậy mà người hầu hạ vị đạo đức kia chắc được nhiều phước sung sướng, đó là chưa nói đến cái kết-quả lâu dài của sự tu tập đức-bạnh.

Chúng ta xét như vậy thì biết rằng một người cúng dường Phật mà trong lòng vẫn tưởng Phật là một vị có quyền cần phải cầu cạnh đua nịnh như các vị thần khác, thì người kia, về đường tinh-thần, đã mất nhiều phần lợi-ích. Trái lại, nếu trong khi cúng dường Phật mà hiểu biết được Phật là bậc đại giác đại-ngộ, đại-từ đại-bi, thì trong lúc cúng dường đã trông mong được đại-giác đại-ngộ, đại-từ đại-bi như Phật và sẽ được vô-lượng vô-biên công đức. Vậy chúng ta hằng ngày cần phải tham học cho biết rõ Phật là bậc thể nào thì sự cúng dường Phật của chúng ta mới có thể gọi là chơn-chánh và mới được nhiều đều lợi ích.

Trong bài cúng dường, chúng ta thường tụng :

**Cúng dường Thanh tịnh Pháp-thân Tỳ-lư Giá-
[na Phật.**

Viên-mãn bảo-thân Lô-xá-na Phật.

Thiên-bách ức hóa-thân Thích-Ca Mâu-Ni Phật :

Vậy trong khi cúng dường, chúng ta cần phải cúng dường cả Pháp-thân, hóa-thân và bảo-thân Phật.

Thế nào là cúng-dường Pháp-thân của Phật? Phật lấy Pháp-giới-tánh làm thân nên gọi là Pháp-thân, Pháp-giới-tánh là tánh như như bình-dẳng của muôn sự muôn vật, không có tự, không có tha, không có năng không có sở, tuy không thay đổi mà vẫn theo duyên hiện ra muôn sự muôn vật, tuy hiện ra muôn sự muôn vật mà vẫn không thay đổi. Cái tánh ấy là cái thật tánh của muôn sự muôn vật, cũng tức là cái tánh của tâm chúng ta vậy. Tâm-tánh của chúng ta rộng lớn sáng suốt như-như bình-dẳng, chúng ta để cho vô-mình che lấp, để cho vọng-nghiệp thuyên chuyển phải luân-hồi trong lục-đạo, thế là chúng ta không biết tôn-trọng cái tâm-tánh của chúng ta. Không biết tôn-trọng tâm-tánh tức là không biết tôn-trọng Pháp-giới-tánh ; không biết tôn-trọng Pháp-giới-tánh tức là không biết cúng dường Pháp-thân của Phật. Ngày nay chúng ta đã phát nguyện cúng

dường Pháp-thân Phật, thì chúng ta cần phải tôn-trọng cái tâm-tánh rộng lớn sáng suốt như-như bình-đẳng của chúng ta và chúng ta cần phải dùng ngũ-phận danh-hương mà phá các vô-minh vọng-nghiệp. Ngũ-phận danh-hương là gì :

Giới-hương

Định-hương

Huệ-hương

Giải-thoát-hương.

Giải-thoát-tri-kiến-hương

Thế nào là Giới-hương? Muốn cúng dường Pháp-thân Phật, chúng ta không thể lấy cái hương thường mà cúng dường được, chúng ta cần phải lấy sự tri-giới làm hương mà cúng dường để dứt trừ các nghiệp dữ và tu tập các nghiệp lành.

Giới có nhiều bậc, như ngũ-giới, bát-giới, thập-giới cho đến giới Tỳ-kheo, giới Tỳ-kheo-ni, giới Bồ-tát. Tuy theo địa-vị chúng ta cần phải tri-giới, quyết không hủy-phạm, thế là chúng ta đem giới-hương mà cúng dường Pháp-thân của Phật.

Thế nào là Định-hương? Chuyên tâm về một cảnh không có loạn-động thì gọi là định; tâm-tánh của chúng ta vẫn một thể như-như bình-đẳng không có năng, không có sở, thì quyết định là bất-động, chỉ vì chúng ta không rõ tâm-tánh, theo nghiệp-thức mà phân-biệt, thấy có thân của mình, thấy có cảnh của mình, thấy có cái đáng ưa, có cái đáng ghét, có cái đáng mừng, có cái đáng sợ, nên mới có loạn-động. Ngày nay chúng ta biết sự lỗi lầm, phát nguyện cúng dường pháp-thân Phật, nghĩa là cúng dường cái tâm-tánh rộng lớn, sáng suốt như-như bình-đẳng của chúng ta, thì với muôn sự muôn vật, đâu nơi thân hay nơi cảnh, chúng ta đều lấy cái tâm bình-đẳng mà đối phó để cho khỏi các sự loạn-động. Chúng ta phải hàng ngày tu tập chuyên tâm về một tướng hay chuyên tâm về một tánh dạng xét rõ các sự loạn-động mà dứt trừ. Chúng ta thấy lòng tham móng lên thì dứt trừ lòng tham, chúng ta thấy lòng sân móng lên thì dứt trừ lòng sân, hề các tư-tướng phân-biệt giả dối móng/lên thì chúng ta đều thể theo

tâm-tánh như-như bình-đăng mà dứt trừ, quyết giữ cho tâm chúng ta không loạn động theo nghiệp-thức, thế là chúng ta đem định-hương mà cúng dường Pháp-thân Phật.

Thế nào là Huệ-hương ? Huệ nghĩa là cái trí lựa chọn. Trong khi nghe một thuyết gì, đọc một bài gì, chúng ta phải gắng sức lựa chọn chỗ phải chỗ quấy, chỗ chánh chỗ tà, không cho các thành-kiến che lấp cái trí lựa chọn của chúng ta, thế là văn-huệ. Chúng ta lại chính nơi thân, chính nơi cảnh, suy xét chín chắn, bỏ cả các sự phân biệt giả dối và hằng ngày gắng nhận cho được cái bản-tánh chơn-thiệt của muôn sự muôn vật, thế là tư-huệ; khi đã nhận được cái bản-tánh chơn-thiệt ấy rồi, chúng ta cần phải chính nơi cái diệu-dụng của bản-tánh trong tất cả các trường-hợp mà thường nhận bản-tánh, không nhiễm không trước, thế là tu-huệ. Người đạo Phật hằng ngày suy xét lựa chọn ba Huệ văn, tư, tu như vậy, tức là đem cái Huệ-hương mà cúng dường Pháp-thân Phật.

Thế nào là Giải-thoát-hương ? Chúng sanh hằng ngày mắc trong vòng khổ-não là vì chúng sanh bị cái ngã-chấp ràng buộc làm cho phải sống với cái thân-thể, giả với cái thân thể, đau với cái thân thể, chết với cái thân thể. Ngày nay chúng ta đã biết nguồn gốc các sự khổ-não là cái ngã-chấp, thì chúng ta cần phải quyết định phá trừ ngã-chấp, không nhận cái thân thể này là mình, không nhận cái nghiệp-thức phân biệt là mình để cho được giải-thoát ra ngoài vòng luân-hồi sanh tử. Một người hằng ngày tu tập phá trừ ngã-chấp, đối với trường-hợp nào cũng thường quán vô-ngã, thế là người ấy đã đem giải-thoát-hương mà cúng dường Pháp-thân Phật.

Thế nào là Giải-thoát Tri-kiến-hương ? Các hàng nhị-thừa tuy đã phá ngã chấp đã đoạn giải-thoát, song còn bị các món thành kiến nó ràng buộc nên chưa được tự-tại như Phật. Chúng ta thử xét hiện nay chúng ta ở trong nghiệp người, chúng ta thấy thế này là nước, thế này là lửa, rồi chúng ta quyết định là nước là lửa, dầu ai nói gì chúng ta cũng giữ chặt cái thành-kiến; cái tri-kiến của chúng ta như thế là chưa được giải-thoát. Chúng ta thử nghĩ, nếu thân chúng ta là thân

cả thì nước đó đâu phải là nước, nếu thân chúng ta như như bấc có thể di chạy trên mặt nước thì nước đó đâu phải là nước ; cho đến lửa cũng vậy, nếu nhiệt-độ trong thân chúng ta lên quá nhiệt-độ của lửa thì lửa ấy đâu phải là lửa nữa. Vậy lửa ấy, nước ấy chỉ đối với cái thân người này mà gọi là nước, là lửa, chứ thiết thiết có cái gì là nước, cái gì là lửa đâu. Chẳng những các món vật chất, mà về tinh-thần cũng vậy, vui đối với khổ mà có, đại đối với khôn mà có, hay đối với dở mà có, ngộ đối với mê mà có, thấy thấy toàn là những pháp đối đãi, chỉ có danh mà không thiệt. Vậy chúng ta hằng ngày cần phải xét rõ muốn sự muốn vật đều như huyền như hóa, chỉ có danh mà không thiệt, đừng cho các món thành-kiến che lấp tâm-trí của chúng ta, thế là chúng ta đã đem giải-thoát tri-kiến-bương mà cùng đường Pháp-thân Phật.

Chúng ta hằng ngày trong niệm niệm đem ngũ-phận danh lương ấy mà phá tan ngã-chấp, pháp-chấp động nhận rõ tâm tánh của chúng ta, thế mới thiệt là tôn-trọng tâm-tánh, là cùng đường Pháp-giới-tánh, là cùng đường Thanh-tịnh Pháp-thân Tỳ-lư-Giá-Na Phật.

Còn thế nào là cùng đường Báo-thân Phật. — Chúng sanh lấy nghiệp-thức làm báo-thân, Phật thì lấy nhưt-thế-trí đầy đủ muốn hạnh muốn đức làm báo-thân. Muốn hạnh muốn đức của Phật tức là các cái diệu-hạnh, các cái công-đức hóa-độ chúng sanh của chư Phật ; vì dụ như chúng sanh có lòng tham-dục thì Phật đem bố-thi Ba-la-mật mà đối phó, chúng sanh có lòng phạm giới thì Phật đem trì-giới Ba-la-mật mà đối phó, chúng sanh có lòng hèn nhát thì Phật đem tinh-tấn Ba-la-mật mà đối phó, chúng sanh có lòng bất bình thì Phật đem nhẫn-nhục Ba-la-mật mà đối phó, chúng sanh tâm hay loạn-động thì Phật đem thiền-định Ba-la-mật mà đối phó, chúng sanh tâm hay hư-vọng phân biệt chấp trước thì Phật đem bát-nhã Ba-La-Mật mà đối phó ; hề chúng sanh phát ra những vọng-niệm gì thì Phật đều có diệu-hạnh mà cứu-độ chúng sanh lên bờ giải-thoát.

Phật lấy đức đại-từ mà yêu dấu chúng sanh như con một, mong cho chúng sanh được cái pháp-lạc viên mãn, Phật lấy đức đại-bi mà thương xót chúng sanh như đồng một thân-thể và cứu vớt chúng sanh ra khỏi các sự khổ não. Phật lấy đức đại-hỉ mà cứu-dộ chúng sanh, càng gặp sự rắc rối khó khăn bao nhiêu thì càng vui vẻ bấy nhiêu, không lúc nào⁶thối thác ; Phật lấy đức đại-xả mà giác-ngộ chúng sanh để cho chúng sanh chứng đặng tâm-tánh như-như bình đẳng. Chúng ta hằng ngày cần phải tu tập lục độ, cần phải tu tập tứ vô-lượng tâm, cần phải rèn đức chí nguyện độ-sanh, thế là chúng ta cùng đường báo-thân của Phật.

Thế nào là cùng đường Hoa-thân Phật. — Chư Phật lấy Pháp-giới-tánh làm pháp-thân, lấy nhứt-thể-tri làm báo-thân, thiết không còn có thể dính vào nghiệp nào và cũng không có thể chịu một thân nào trong tam-giới cả. Nhưng vì Phật từ-bi rộng lớn nên mới phương-liện hiện ra thân chúng sanh mà dạy dỗ, tuy chúng sanh thấy có thân Phật dạy bảo mà thiết ra Phật vẫn không có một thân nào ; tuy không có một thân nào mà Phật vẫn theo cơ-cảm chúng sanh hiện ra trăm ngàn ức thân mà giáo-hóa. Những cái thân hiện ra để giáo-hóa như vậy tức là hóa-thân của Phật. Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni là một Hóa thân Phật trong thế-giới chúng ta vậy. Chúng ta xem kinh điển thường thấy đức Phật Thích-Ca theo duyên mà hóa độ ; đối với người bực tri thì dạy về theo bực tri, đối với người ngu dốt thì dạy về theo bực ngu dốt, đối với người làm nghề thợ rèn thì chỉ về Phật-pháp theo nghề thợ-rèn, đối với người làm nghề nuôi trâu thì chỉ về Phật-pháp theo nghề nuôi trâu, Phật tùy theo tri-thức, tùy theo hoàn-cảnh, tùy theo cơ-cảm mà chỉ về đường tu, làm cho ai ai cũng hiểu được Phật-pháp, cũng tu được Phật-pháp cả. Chúng ta muốn cùng đường hóa-thân của Phật thì chúng ta cần phải bắt chước phương-tiện của Phật, theo tri-thức, theo hoàn-cảnh, theo cơ-cảm mà đem lần mọi người về Phật-pháp, không nên làm cho người ta bất bình hoặc làm cho người ta chán nản, khi nói thấp, khi nói cao, khi nói rộng, khi nói hẹp để cho ai ai cũng

đều có thể tin-ngưỡng Phật-pháp, cũng đều có thể lần lần tu tập theo Phật-pháp. Chúng ta hằng ngày phương-tiện hoằng-dương Phật-pháp như vậy thì mới thiết là cúng dường hóa-thân của Phật.

Đã cúng dường Phật-bảo rồi, chúng ta lại còn cần phải cúng dường Pháp-bảo và Tăng-bảo.

Thế nào là cúng dường Pháp-bảo. — Pháp-bảo là các pháp của Phật và của các vị Bồ-Tát đã dạy, để chúng sanh tu tập theo cho thành chánh-quả.

Cúng dường Pháp-bảo phải đủ sự đủ lý. Về lý thì chúng ta cần phải tham-học kinh điển nghiên-cứu giáo-lý để nhận rõ thế nào là Phật-pháp và thế nào là không phải Phật-pháp; về sự thì chúng ta phải giảng dịch lưu-thông các kinh điển, phải phương tiện tuyên-dương Phật-pháp, phải giúp đỡ các công việc hoằng-pháp để cho ai ai đều rõ biết chánh-pháp của Phật.

Còn thế nào là cúng dường Tăng-bảo. — Tăng-bảo là một đoàn thể tu hành Phật-pháp, đủ đức hạnh, đủ tri-huệ mà tu-tri Phật-pháp. Muốn cúng dường tăng-bảo, chúng ta cần phải lập những ngôi chùa cho trang-nghiêm, lập những qui-tắc cho tề-chỉnh dặng mời các bậc chơn-chánh tu hành, tụ họp lại làm một Tăng-chúng đủ giới đức, đủ học-thức dặng tu-tri Phật-pháp.

Lại chúng ta hằng ngày cần phải thiết thiết tu-tri Phật-pháp, thiết thiết hộ-tri Phật-pháp để làm gương cho toàn-thể tín-đồ thì một ngày kia tín-đồ Phật-giáo ở xứ ta mới thoát ra khỏi các sự mê-tin và chơn-tinh-thần của đạo Phật mới có thể thiết-hiện ở xứ ta vậy.

Thưa các ngài, các ngài đều là tín-đồ đạo Phật, đều đã qui-y Tam-bảo, vậy trông mong các ngài hằng ngày chơn-chánh cúng dường Tam-bảo dặng an đức cơ-sở của Phật-giáo nước nhà thì công đức thiết là vô-biên vô-lượng. Trong các lỗi cúng dường đã nói trên kia, có chỗ vẫn khó thiết hành ngay lắm, song nếu các ngài cứ giữ đường chánh mà đi, bước lên được bước nào là quý bước nấy, thì tuy về sự chưa

được hoàn toàn, song về phần tinh-thần, các ngài cũng đã chọn-chánh cùng đường Tam-bảo.

Đối với các bậc sơ-cơ, chúng tôi xin nhắc lại rằng Phật là bậc đại-từ đại-bi, miềng chúng ta đem lòng chí-thành mà đứng lên chư Phật thì quyết định sẽ có cảm-ứng. Chúng ta là đệ-tử Phật, phạm việc gì chúng ta cũng tin nơi Phật; vậy trong lúc đau khổ, trong khi phiền-não, chúng ta không nhờ Phật cứu-độ thì còn nhờ ai nữa; song cốt nhất chúng ta cần phải biết Phật là chi, Pháp là chi, Tăng là chi, thì sự cúng dường của chúng ta mới được gọi là chọn-chánh.

Như trong khi chúng ta nghiệp chướng nặng nề, phiền-não sôi nổi không thể dứt trừ được thì chúng ta cần phải một lòng nhờ đức đại-từ của Phật gia-hộ cho chúng ta tinh-tấn tu hành, để thoát khỏi biển khổ và được hưởng pháp-lạc của các bậc giải-thoát. Như ta gặp lúc đau ốm, gặp sự nguy hiểm thì chúng ta phải một lòng nhờ đức đại-bi của Phật cứu độ cho chúng ta khỏi các điều ấy. Như trong khi chúng ta làm việc Phật-sự hóa-độ chúng sanh, gặp điều trở ngại, gặp sự hủy-bán thì chúng ta phải một lòng nhờ đức đại-hỷ của Phật hộ-niệm cho chúng ta thêm phần tinh-tấn, khỏi sự chán nản. Như chúng ta sanh lòng nhờn-ngã, móng tâm phân biệt thì chúng ta phải nhứt tâm nhờ đức đại-xá của Phật hộ-tri cho chúng ta khỏi sự lỗi lầm, mau thành chánh quả.

Chúng ta đã học lối cúng dường chọn-chánh, gặp trường-hợp gì chúng ta cũng một lòng chọn-chánh qui-y tin nương nơi Tam-bảo, thì tai nạn gì cũng có thể qua khỏi, chi-nguyện gì cũng có thể thành-tựu cả. Huống chi trong thế-giới chúng ta hiện có vô-lượng, vô-biên Kim-Cang Bồ-Tát, Hộ-pháp Bồ-Tát đồng phát nguyện hết sức giúp đỡ, hết sức hộ-niệm cho những người đã thành-tâm qui-nương theo Phật. Vậy đâu gặp sự gì việc gì, chúng ta cứ giữ lòng tin-ngưỡng cho vững vàng, giữ sự tu hành cho tinh-tấn, thì quyết định không có điều gì làm cho chúng ta phải lo sợ, phải đau khổ, không có sự gì làm chướng ngại cho chúng ta được nữa. Một điều cốt yếu là chúng ta cần phải giữ lòng tin-ngưỡng Tam-bảo cho chọn-chánh.

Nam-mô Chọn-chánh cùng-dường Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

BÀI CHỨC - TỪ

CỦA ÔNG LÊ-ĐÌNH-THẨM TRONG DỊP TIẾP RƯỚC
CỤ 'THƯỢNG-THƠ' BỘ GIÁO-DỤC TẠI
ANNAM PHẬT-HỌC TRƯỜNG.

Bâm Cự lớn.

Hôm nay Cự lớn bỏ chút thì giờ qui hóa quan cổ đến các Phật-học-trường của Hội chúng tôi làm cho chúng tôi được cái vinh-hạnh thừa tiếp Cụ Bộ-Trưởng Giáo-Dục nước nhà và lại thừa tiếp một nhà Đại-bác-học đã từng tích-cực nghiên-cứu các học-vấn Á-Âu, chúng tôi chỉ biết cảm tạ thanh tình của Cự lớn.

Có người được thấy Cự lớn hàng ngày chăm lo nâng cao trình-độ quốc-dân trên đường tân-học và ngày nay lại thấy Cự lớn đến thăm các trường về Phật-học là một môn tối-cực-học, thì nghĩ rằng đó là một lối giao-thiệp của nhà Chánh-trị hoặc là một lối khảo-cứu của một vị bác-học, không can-thiệp gì đến quốc-dân giáo-dục.

Họ đâu biết Cự lớn sát cò nghiệm kim, đã nhận rõ chỗ quan trọng của đức-dục đối với sự thịnh suy trong nước. Kia như nước La-Mã, trước chỉ lấy can-dâm của dân-chúng trong một thành mà đem ra hàng-phục được phần nhiều các nước ở xung quanh Địa-trung hải; đến sau, đức-dục kém sút, phong-tục suy đồi thì tuy gươm giáo vẫn nhiều, xe ngựa vẫn đủ, tiền lương vẫn dồi dào hơn trước mà cũng không tránh khỏi cái nạn diệt quốc. Kia như nước Y-Pha-Nho đã từng nổi tiếng là một nước giàu mạnh về đời Trung-cổ mà hiện nay vì nhơn-tâm bất nhất, đã thành ra một nước hèn yếu, dầu cũng đủ các khoa-học, đủ các kỹ-nghệ như các nước khác ở Âu-Châu.

Vậy đức-dục là một điều-kiện rất quan trọng đối với tiền-đô của quốc-dân.

Trong nước ta, hơn ngàn năm nay đã có hai nền đạo-đức rất to tát là Nho-học và Phật-học, chỉ vì về sau thiếu kẻ thừa truyền nên đức-dục của quốc-dân mới hóa ra suy kém.

Như Nho-học là một nền đức-dục rất xác thật, những lời thanh-y chánh-tâm là những lời tu thân rất có hệ-thống, thế mà về sau các nhà nho-học xử ta bị văn-tự làm chương ngại chỉ lo tâm-chương, dịch-cú, ngâm thơ, vịnh-nguyệt, có học mà không tập, nên nền đạo-đức mới có chiều sa sút. Còn về Phật-học, những đạo-lý nhiệm-mầu, những hành-vi siêu việt, kẻ sao cho xiết, thế mà các nhà Phật-học xử ta không thiết-thiết tu trì, lại bị cái khâu đầu thuyền “bất lập văn-tự” làm chương ngại, đến nỗi về sau Thuyền-Tông thành ra một lối không-dám chẳng chút thực-tế, còn Mật-Tông, Tịnh-Mộ-Tông thì hóa ra những lối cầu tài cầu phúc không hiệp chánh-pháp.

Hiện nay, mấy dấu cũ của nền đạo-đức Nho-học Phật-học xưa chưa mất hẳn, ảnh-hưởng của Nho-Học Phật-Học nơi phong-tục nhơn-tâm còn nhiều nên Phật-Học-Hội chúng tôi mới có thể liên-hiệp các nhà thiện-tín chân-hưng Phật-Học đang bồi bổ nền đạo-đức nước nhà. Có người thấy Hội chúng tôi đứng lên chấn-hưng Phật-Học thì lại nghĩ rằng: hiện nay nước ta đang theo tân-học cần gì phải trở lại những lối đạo-đức xưa. Thiết-vậy, tân-học vẫn có đức-dục nhưng gây dựng một nền đạo-đức nơi quốc-dân chẳng phải là dễ, nếu nền cũ phá nát, nền mới chưa thành thì rất nguy hiểm cho thể đạo nhơn-tâm. Vậy nay chúng ta đã sáng nền đạo-đức cũ, chúng ta chỉ nên chung lo bồi bổ lại, công trình đã ít mà hiệu quả được nhiều, cần gì phải gây dựng một nền mới, làm cho dân-tộc xử ta khó tránh khỏi các sự nguy hiểm của quá-độ thời-đại.

Bầm cụ lớn, sự giáo dục quốc-dân gồm có ba phần, mà đức-dục là cái phần cốt đê sửa đổi nhơn-tâm cho thuần-thiện.

Đã về phần sửa đổi nhơn-tâm thì những phương-pháp đức-dục chỉ có hay có dở chứ không thể có cũ có mới; vì đời xưa đời nay học-thức có khác mà những chỗ hư-hỏng của nhơn-tâm như tham sân, si, những chỗ qui hóa của nhơn-tâm như

nhơn, từ, trung, nghĩa, lúc nào cũng vẫn là hư hống, vẫn là qui hoá, không có thay đổi. Huống chi Phật-học rất chú trọng về thực-tế, chính nơi hiện thân hiện cảnh mà chỉ về lối cải-lương tâm-tánh, không phải nói suông như triết-học, không phải mê-tin như Thần-giáo, không có đều sơ cường như tấn-nho, không tra sự nhàn-hạ như các nhà ăn-dật, đạo Phật là tức sự mà lý, tức lý mà sự, vô sở vi mà vô bất vi, vô năng-tác mà vô bất tác, nghĩa lý vững vàng, phước huệ đầy đủ, thiệt không có lối đức dục nào sánh kịp.

Bẩm Cụ lớn, Cụ lớn xét biết : muốn cho một nước cường thịnh thì toàn thể quốc-dân cần phải thiêu dục tri túc, chỗ tự phụng cho kiệm ước, ra hành động cho cần mẫn, ai nấy đều biết giữ bổn phận, đều biết quên cái lợi riêng mà lo việc công-ích mới thành-tựu được, nên Cụ lớn vì quốc vị dân rất chăm lo về mặt dức-dục.

Cụ lớn lại thấu hiểu Phật-pháp, nhận biết Phật-pháp rất bõ ích cho thể đạo nhơn-tâm nên quan cố đến các Phật-học-trưởng đề khuyến khích chúng tôi, chúng tôi xin vì nền đạo-dức nước nhà trương-lai thành tâm cảm tạ công-dức Cụ lớn.

Mục-dich chấn-hưng Phật-học của Hội chúng tôi rất to tát, chúng tôi tự xét tài sơ đức kém khó bề đạt đến một cách viên-mãn, nhưng may nhờ ơn đức Hoàng-Thượng, Lưỡng Tôn-Cung và các Cụ lớn khuyến khích, chúng tôi nguyện vững lòng bề chí mà lo các công việc, dầu khó nhọc đến đâu cũng không dám từ chối.

Hiện Phật-học-trưởng của Hội chúng tôi dày cốt đờ, đào-tạo những bực Tăng-Giả đủ trí-lực mà hoàng-dương Phật-pháp : trưởng Tiểu Học thì chuyên học về kinh điển đạo Phật, nhất là về kinh điển Tiên-thừa ; trưởng Trung-Học thì học Đại-thừa Phật-giáo và có học phụ thêm các Triết-học, các đạo lý Á-Âu, nhất là về mặt Nho-học, để tiện bề tùy cơ chỉ về đạo-lý cho quần chúng. Còn về trưởng Đại-học thì hiện nay chưa được bao nhiêu học-sanh, các học-sanh Đại-học đều thượng cần hạ hóa,

khí thì đến các Hội-quán thuyết-pháp cho các tín-đồ nghe, khi thì về ở trường nghiên-cứu Tam-tạng kinh-diễn và tham-học đường tu tập với các ngài Chứng-Minh Đại-Đạo-Sư.

Nay tuy vì nhơn-tái còn ít, công việc hoằng-pháp của Hội chúng tôi chưa được mở mang cho lắm, nhưng chúng tôi rất trông mong một ngày kia, nhờ ơn Phật-Tổ, sanh-viên các trường học-hành đều tấn ích thì may ra cũng có thể đem Chánh-pháp của Phật mà truyền bá cùng khắp xứ ta vậy.

Mục-dịch của Hội chúng tôi rất lớn mà trí thức của chúng tôi còn thô-thiền, chúng tôi rất trông mong Cụ lớn tùy tiện chỉ dạy chúng tôi để cho mục-dịch ấy được mau thành tựu.

Bần Cụ lớn, Cụ lớn có lòng quang-cổ đến trường Hội chúng tôi, chúng tôi chỉ xiết cảm tạ. Đối với ơn đức ấy, chúng tôi chỉ biết một lòng cầu Phật gia-hộ cho Cụ lớn được phước thọ tăng long, Bồ-Đề kiên cố.

Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.





Bài giảng hôm rằm tháng năm tại Huế và các
chi-nhánh Phật-Học

THẾ GIAN TAM ĐẠI THẾ LỰC

NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

Thưa các Ngài,

Hiện trong thế-gian chúng ta thấy sự sự vật vật loài này loài kia khác nhau, người nào cũng có thấy, người nào cũng có nghe, người nào cũng có biết sự sự vật vật ấy, bề trong là thân tâm, bề ngoài là cảnh giới, thiên hình vạn trạng không thể kể xiết. Chúng ta lại thấy trong loài người kẻ mạnh người yếu, kẻ thông minh người dốt nát, kẻ giàu có, người nghèo khổ, kẻ sống lâu người chết yểu, không biết lấy chi làm chuẩn đích. Còn về ngoại cảnh thì khi nắng khi mưa, khi sáng khi tối, nóng lạnh thay đổi, bão lụt không chừng, cũng chẳng biết vì đâu mà chuyển biến như vậy. Đối với hai cái vấn-đề nhơn-sanh và vũ-trụ kia, làm người đã đề ý nghiên-cứu, song vì họ thấy phũc-tạp quá không thể giải quyết nổi, nên đặt ra những danh từ Tự-nhiên, hay Tạo-hóa để che cái dốt của mình, rồi cũng theo cái danh từ ấy mà thờ phụng, mà luận lý, nhưng thiệt ra thì chưa hề giải quyết các vấn-đề ấy một chút nào cả.

Nói rằng tự nhiên có nhơn sanh, vũ-trụ thì đã là tự nhiên, nó phải tự nhiên mãi mãi, có sao lại thường thường thay đổi. Như nói cái thường thường thay đổi là cái tự-nhiên, thì lại

không thể chỉ được cái tự nhiên là cái gì, vì đã là thay đổi, phút này khác phút trước, giờ này khác giờ trước, thì còn chi đáng gọi là tự-thể. Lại theo thuyết tự nhiên ấy, loài người tự nhiên là mạnh hay tự nhiên là yếu, tự nhiên là thông minh hay tự nhiên là ngu dốt, tự nhiên là hung dữ hay tự nhiên là hiền lành, không lẽ lại có đến vô lượng vô số tự nhiên ; dầu cho rằng mỗi sự vật đều có mỗi cái tự nhiên, thôi những cái tự nhiên ấy tức là sự vật vật rồi, cần gì phải thêm một cái danh từ vô ý nghĩa ấy nữa. Còn như nói rằng có ông Tạo-hóa sáng tạo và làm chủ-tể cho muôn vật thì ông ấy bản-chất là gì mà sanh ra đủ cả loài người, cả súc vật, cả nước, cả lửa, cả đất, cả hư không ; lại vì sao hiện thấy muôn sự muôn vật có thay đổi, có sai khác.

Hai cái thuyết ấy thiệt không đúng lý chút nào, những người đặt những thuyết đó chỉ lấy chỗ mê của mình mà dạy cho người khác mê, chỉ dùng những lối nói suông, những lối vô đoán, những sự mê-tin mà lập ra cái thuyết của mình, như một người bịa đặt nói có ma-rà cho thành câu chuyện mà về sau nhiều người cũng tin có ma-rà, đâu phải là sự thật. Những thuyết ấy làm cho tâm trí loài người hèn yếu, gặp những sự đau buồn khổ sở chỉ đổ cho cái tự-nhiên hay cho ông Tạo-hóa, rồi hoặc thả liều tới đâu hay đó, hoặc cầu khẩn rên siết van lạy, chứ không chịu xét cái nguyên nhân của sự khổ đó từ đâu, dạng tìm cách thoát-ly ra ngoài các sự khổ ải.

Thưa các ngài, những vấn đề như-sanh vũ-trụ là những vấn đề rất quang trọng cho chúng ta, chúng ta cần phải đề ý suy-tâm nghiên-cứu để giải-quyết một cách xác thiệt, hầu mong cải tạo tâm tánh, xoay đổi hoàn-cảnh để cùng nhau chung hưởng cái pháp-lạc lâu dài vững chắc.

Nội dung của hai vấn đề ấy rất phức tạp, mới rồi chúng ta có được xem bài giảng văn của ngài Đường-Đại-Viên đăng báo Hải-Triều-Âm chữ Tàu đề là : “Thế-gian chi tam đại thể-lực”, lời lẽ đúng đắn, ý nghĩa sâu xa, vậy nay tôi xin lược

nói lại về ba môn thể-lực ấy để giúp thêm tài-liệu cho các ngài trong khi nghiên-cứu các vấn đề nhơn-sanh vũ-trụ.

V theo bài giảng của ngài Đường-dại-Viên thì vũ trụ nhơn sanh đều do ba cái thể-lực rất to tát nó liên hiệp cùng nhau dạng gầy dựng ra, chuyển biến ra, phát khởi ra sự sự vật vật. Ba môn thể-lực ấy là : danh ngôn thể-lực, nghiệp thể-lực và ngã chấp thể-lực.

1) Danh ngôn thể-lực

Danh-ngôn thể-lực là cái thể-lực của các triên-tượng, của các danh-từ để chỉ cái hiện-tượng của sự sự vật vật ; do các danh ngôn đó mà chia ra có sự này vật khác, nào thân không phải là cảnh, người không phải là mình, sắc không phải là không, nước không phải là lửa ; đến nỗi chúng sanh quyết chấp các danh ngôn đó là hiện-trang, hàng ngày chỉ sống với các danh ngôn mà không biết thể nào là hiện thân hiện cảnh, hàng ngày chỉ theo những lời nói suông mà hành động đeo đuổi theo vọng-tưởng giả-danh mà không biết tự tình.

Như đời trước, người xư ta mở miệng ra là đã khen ngợi đạo Thánh-hiền, lễ ra làm vị Thánh-hiền mới phải, ngại vì bị cái thể-lực của lời nói suông ngăn che, chỉ biết nói suông rằng đạo Thánh-hiền, chưa hề tu tập cho thành ông Thánh, ông Hiền, nên rút cục không được lợi ích gì về mặt đạo đức cả. Lại như hiện nay làm người mở miệng ra mới thiệt đã khen ngợi những thuyết bình-dẳng tự-do, mà không chịu xét biết thể nào mới thiệt là tự do, thể nào mới thiệt là bình đẳng, nên bị các danh ngôn ấy lừa gạt, làm cho đến nỗi xâu xé nhau, đánh giết nhau, dắc nhau vào con đường thống khổ, không chút gì là bình đẳng tự do cả. Vậy thì biết các danh-ngôn, tuy in tuồng phò bày sự sự vật vật mà lại thường có cái thể-lực che lấp chỗ chơn-thật của sự sự vật vật.

Như hiện cái bàn ở đây, khi chúng ta vừa thấy chưa phân biệt thì nó vẫn chưa thành là cái gì, đến khi chúng ta đem các danh-ngôn ra phân biệt, nào là hình vuông, nào là chất gỗ, nào là cái bàn có thể đứng về việc này việc khác, thì nó

đối với chúng ta quyết định là cái bản, đến nỗi về sau chúng ta vừa nghe tên cái bản thì đã hiểu đó là một vật thể này thế kia rồi, không cần phải lấy con mắt mà thấy, lấy tay mà sờ nữa. Chẳng những các vật dụng cho đến những lối cử động nào ăn, nào uống, nào đi, nào đứng, những lối tiếp xúc nào thương, nào ghét, nào buồn, nào sợ, cũng vì thế lực của các danh-ngôn mà hóa ra có sai khác. Thế rồi chúng ta đeo đuổi theo danh-ngôn, hề nghe nói họ thương mình thì vui, nghe nói họ ghét mình thì giận, háng ngày chỉ phân biệt các danh ngôn mà không rời rảnh xét chỗ chơn thật của sự sự vật-vật. Nếu chúng ta thoát-ly ngoài hẳn các danh từ, các trừu-tượng thì chúng ta sẽ rõ cảnh giới hiện tiền của chúng ta đây, dầu về nội thân hay về ngoại-cảnh, thiết thiết là thế nào và chúng ta sẽ nhận rằng sự sự vật vật giữa thế gian đều do cái thế lực của danh-ngôn giả dối tạo thành mà thôi.

(còn nữa)



Ý kiến phụ nữ

ĐỐI VỚI PHẬT - HỌC

PHẬT-GIAO VỚI CHỦ-NHĨA NHÂN-SANH

Theo nghĩa hai chữ xã-hội nghĩa là phần ít hoặc phần đông người hiệp quần nhau mỗi người lo mỗi công việc để mưu cầu hạnh-phúc sự sanh-hoạt.

Ý nghĩa của xã-hội đã là hiệp đồng cùng nhau mà chăm lo sự sanh-hoạt thì đối với xã-hội vấn-đề nhân-sanh là vấn-đề cốt yếu hơn hết. Muốn cho xã hội được hoàn toàn trước hết phải giải quyết vấn-đề nhân sanh,

Về nhân-sanh có hai lối: là tinh-thần và vật-chất.

Một là lối vật-chất. — Như cơm ăn, áo mặc, nhà ở; lối này gọi là lối tu tấn nghề-nghiệp. Về lối tu tấn nghề-nghiệp là muốn cho người người đều đặn sung túc, đủ các đồ cần dùng, mà muốn đủ các đồ cần dùng thời tất nhiên ai ai cũng phải mạnh bạo, siêng năng mà làm hết bòn phận.

Người làm ruộng cần phải siêng năng lo việc mùa màng dù thất bại năm này cũng gắng mà làm qua năm khác chớ không nản chí. Người làm thợ cần phải lo cái nghề của mình cho thật tinh xảo, tìm cách học hỏi cho chỗ thấy nghe được thêm rộng rãi và cho hiệp thời cơ, thời các món chế tạo ra mới được đặc dụng. Người đi buôn cần phải khéo trương trên chốn thị-trường, học hỏi cho rành mạch các vật giá và chỗ nhu cầu của nhân-sanh.

Đại để lối tu-tấn nghề-nghiệp không ngoài ba hạng trên đã kể.

Hai là lối tu về tinh-thần. — Lối tu tinh-thần lại phân ra hai mặt: một mặt là tự lợi hai là lợi người. Về mặt tự lợi thời như là hạng người thờ chủ-nghĩa ích-kỹ, nếu gặp phải cái tinh-thần gì trái với chủ-nghĩa ích-kỹ nghĩa là trái

với tư tưởng riêng của mình dù chủ nghĩa ấy có lợi cho người bao nhiêu, người đó cũng cực lực phản kháng.

Về mặt lợi cho người, hại người này lại thờ chủ nghĩa bác-ái, lấy sự lợi cho người làm vui, cho nên dù thiệt hại cho mình bao nhiêu mà phần đông được lợi, thò cũng vui lòng mà làm theo chủ-nghĩa đó. Trong lối tu tinh-thần lại có nhiều phần biểu lộ nơi hình-thức ; thí dụ như lối tu về văn chương thời phải tìm những câu văn có ý vị để cảm-hóa lòng người. Lại như tu về mỹ-thuật là tìm tòi trong trí các cách sửa sang các hình-thức hoặc bề ngoài, hoặc sửa sang cảnh thiên nhiên của vũ-trụ.

Trong lối tu tinh-thần có phần tuy không biểu lộ nơi hình thức cho rõ rệt như trên, nhưng rất có ảnh-hưởng cho sự sống của nhân-loại, tức là về đạo đức và luân-lý.

Nay chúng ta thử xét qua trong vấn-đề nhân-sanh và xã-hội. Trong vấn-đề nhân-sanh đã có hai lối tu như trên, vậy ta thử lấy riêng một lối tu vật-chất có thể tạo thành hạnh-phúc cho nhân-sanh chăng? Quyết chắc là không, vì nếu nhân-loại mà chỉ sống riêng về phần vật-chất thì có khác gì loài thú vật. Cho nên nhân-loại cũng cần về lối tu tinh-thần nữa.

Nhưng lối tu tinh thần lại có hai mặt : là một mặt ích-kỹ và một mặt bác-ái. Nay thử hỏi nhân-loại nên theo về phần nào? Nếu theo về mặt ích-kỹ thì chỉ tu tấn thêm cái lòng ích-kỹ, như vậy thì một ông cha chẳng khi nào biết thương con, một người vợ chẳng khi nào yêu quý chồng, một người con chẳng khi nào có hiếu, một người dâu, rề chẳng khi nào được hiền hòa, nói rộng ra nữa thì cho đến bà con, anh em, họ hàng chẳng còn ai biết thương ai, chỉ mỗi người trông cái lợi riêng cho mình mà chẳng nghĩ chi đến tình nghĩa ; các người trong gia-đình đã như vậy thì thử hỏi cái gia-đình ấy có được yên hòa vui vẻ được không? Gia-đình không thành gia-đình thì cái tinh-thần ích-kỹ ấy làm sao mà thành-lập cái xã-hội được.

Đây tôi xin nhắc lại ý-nghĩa của chữ xã-hội theo thông thường tiếng Nam ta cho xã-hội tức là phần đông người hợp-quần mà mưu sự lợi chung cho nhau. Nay đem cái tinh-thần ích-kỹ mà truyền-bí thời chẳng những đã trái với chủ-nghĩa xã-hội mà lại còn để cho nhân-loại sau này một cái hại lớn là tương tàn tương hại lẫn nhau. Nói như vậy chắc có người nghĩ rằng : ở trong cái thời đại cạnh tranh này, mạnh được yếu thua, nếu như ta chỉ thờ phụng chủ nghĩa không ích-kỹ, thời làm sao mà sống còn với những người tàn bạo kia được ? Tôi xin lấy một cái thí dụ ngay như trong gia-đình, đã gọi rằng một cái gia-đình tất nhiên phải có năm bảy người hội hợp, đã có năm bảy người hội hợp thời tất nhiên cũng phải có sự công lý đứng đầu, mà công lý tất là cái mối lợi chung của toàn thể ; như trong năm người mà có một người ích-kỹ, chỉ tho sự giúp đỡ của người mà không chịu giúp người trở lại, thời tất cả bốn người kia cũng có thể tìm cách buộc người kia phải theo công-lý. Lại có người hỏi nữa : nếu trong gia-đình ấy mà bốn người theo ích kỹ thời làm thế nào ? Xin thưa rằng loài người là một giống khôn hơn vạn vật lại sản cái giống tử-thiện chứ không phải chỉ một giống ác mà thôi « Phương chi sự ích-kỹ chẳng khi nào mua được lòng người mà trái lại chỉ làm cho người ghét. Một người ích-kỹ tất phải lo sự xâm đoạt lợi quyền của một người khác, người khác cũng ích kỹ cho nên chẳng khi nào chịu để cho người xâm đoạt mà nếu theo sự ích kỹ thì do đó mà sự cạnh-tranh mỗi ngày một bùng bốt, làm cho sự sanh-hoạt của nhân-loại mỗi ngày mỗi nguy nan, làm cho kẻ mạnh hiếp yếu, kẻ giàu hiếp nghèo, trong gia-đình, ngoài xã-hội vì thế mà trở nên điên đảo.

Hiện nay phong-trào xã-hội đã lan rộng, cái chủ nghĩa xã-hội đã có vị trí trong trí thức loài người, chứ không thuộc vào một chủ nghĩa hẹp hòi như trước. Mỗi người đều tự biết cái sự sống của mình đây chẳng phải chỉ nhờ riêng cha mẹ, anh em, mà thật là phải nhờ tất cả toàn thể xã-

hội. Minh muốn không lo đến xã-hội cũng không được, là vì phong-trào xã-hội có một cái mãnh-lực rất mạnh, rồi đây nó sẽ cuốn lấy cả con cháu anh em, bà con của ta, đó là vì sự ích-kỷ của ta không chịu lo cho xã-hội, cho nên có cái kết-quả bị phong-trào xã-hội cuốn lấy con cháu của ta vậy.

Các chủ-nghĩa ích-kỷ hẹp, là ích-kỷ cho cá-nhơn, rộng là ích-kỷ cho gia-đình mình, đã không đứng vững như vậy thời tất nhiên vấn-đề nhơn-sanh phải xoay về lối tu tinh-thần mà về phần bác-ái mới mong bỏ cứu vấn-đề nhơn-sanh một cách mỹ-mãn. Ý nghĩa của hai chữ bác-ái tức là thương rộng thương khắp mọi người, người thờ cái chủ-nghĩa bác-ái là lấy cái sự lợi cho người mà làm vui, lợi cho phần đông mà làm mục-dịch. Thử dụ như mình đối với một người dù họ muốn hơn mình một đôi chút, mình còn thể nhân nại được, chớ như người đó mà muốn làm hại trăm ngàn người khác, thời cái người thờ chủ-nghĩa bác-ái cần phải bênh vực trăm ngàn người mà bỏ người kia, dù người kia là thân ruột với mình, mình cũng phải bỏ để giúp cho một phần đông được lợi. Đại để cái nghĩa bác-ái là như vậy. Lại nghĩa bác-ái vốn theo tưng bạng tùy theo trình-độ tâm-lý của nhân-loại, thí dụ như một ông cha bà mẹ vì lòng bác-ái mà quên sự sống của mình mà lo gầy dựng cho một đoàn con. Lấy sự thành-đạt vui sướng của con làm cái sự vui sướng của mình, lại như ông trưởng tộc thời lại vì họ hàng trong tộc mà quên mình, lo giúp đỡ cho người. Như một người thờ chủ-nghĩa quân-chủ quên mình mà lo cho nước, một vị thánh hiền quên mình mà lo cho cả thế gian, ấy là do tùy tâm lượng của mỗi người rộng hẹp khác nhau cho nên lòng từ-bi bác-ái cũng do đó mà có nhiều bậc.

Nhưng xét lại cho kỹ, dù hẹp dù rộng bao nhiêu mà người đã theo chủ-nghĩa bác-ái thời đều có lợi cho nhân-quần xã-hội. Một người theo chủ-nghĩa ấy sống trong một gia-đình, gia-đình ấy sẽ được hoàn hảo, sống trong một xã-hội nào, xã-hội ấy sẽ được thơn lây. Nếu trong xã-hội được nhiều

người theo chủ-nghĩa ấy thời xã-hội ấy dù ít dù nhiều cũng được ảnh-hưởng tương-tư tương-trợ lẫn nhau mà cái tinh-thần công cộng mới có ngày thiết hiện.

Kết luận bài này tôi xin thưa rằng: Chủ-nghĩa xã-hội muốn được thiết hiện một cách hoàn toàn thì tất nhiên phải theo chủ-nghĩa từ-bi, bác-ái; tinh-thần từ-bi, bác-ái, nếu mà thiết hiện thời cái sự tu tấn nghệ nghiệp cũng sẽ do đó mà mở mang, người có cái khéo vẽ cho nhau, người có cái hay dạy cho nhau, giúp sức nhau mở mang các công việc có tinh-cách công-ích, kẻ hàng tâm người hàng sãn, người người đều nhằm cái mục-dịch công lợi mà đi, thời lo gì các cơ-quan lớn không mở mang? Nói tóm lại, hiện thời trong xã-hội ta tinh-thần công cộng không có, cho nên dù lập một cái xã-hội rất nhỏ là nam ba người mà cũng còn không thành được thay, huống chi là lo đến những vấn-đề to tát. Vậy trước hết chúng ta ai là người ưu-thời mẫn-thế xin cùng nhau cố gầy dựng cho cái tinh-thần từ-bi, bác-ái cho được vững vàng, mà tinh-thần tức là cái chìa khóa mở cả trăm công nghìn việc đó. Mục-dịch từ-bi, bác-ái là gì? Tức là không nói ai cũng biết, ấy là mục-dịch «vị người quên mình của Phật», ai là người hữu tâm đến vấn-đề xã-hội xin đề ý đến cho.

Uu-Bá-Di DIỆU-HỒNG



ĐẠI-Ý KINH

THỦ LĂNG - NGHIÊM

PHẬT NƯƠNG NƠI KIẾN-TINH CHỈ RÕ NHƯ-LAI-TẠNG-TÁNH.

3) Phật chỉ bản tánh của thập nhị xứ là
Như lai tạng tánh

Về đoạn trước Phật đã chỉ bản tánh của lục-nhập là Như-lai-tạng-tánh. Lục-nhập là sự thấu nạp của trần-cảnh nơi sáu căn, chúng sanh bề trong chấp có căn-thân, bề ngoài chấp có khí giới nên in tưởng cái căn-thân có lãnh-nạp các trần-tượng giữa khí-giới, thiệt ra thì căn không thể rời trần, trần không thể rời căn, chưa hề có cái gì đáng gọi là sự lãnh-nạp. Về đoạn này, Phật lại chỉ bản-tánh của thập-nhị-xứ là diệu-chơn-như-tánh của như-lai-tạng-tánh. Xứ đây nghĩa là xứ sở, là chỗ phát-sanh của các căn-trần. Trong đoạn này, Phật chỉ cho biết rằng sanh-xứ của lục-căn lục-trần vốn không thiệt có, bản tánh của 12 cái sanh-xứ đó chỉ là Như-lai-tạng-tánh.

Như hiện-tiền đây, chúng ta đem cái thấy mà thay các món Sắc-Không, ngoài các món Sắc-Không, không có cái thấy, ngoài cái thấy không có các món Sắc-Không; vậy cái thấy là sanh-xứ của Sắc-Không hay Sắc-Không là sanh-xứ của cái thấy.

Nếu như nói cái thấy sanh ra Sắc, sanh ra Không, thì Sắc với Không hữu-hình vô-hình khác nhau, khi sanh ra Sắc không thể sanh ra Không, khi sanh ra Không không thể sanh ra Sắc, vậy khi cái thấy đương sanh ra Không thời Sắc phải tiêu diệt; Sắc đã tiêu diệt thì thấy thấy đều Không, còn đối với cái gì mà biết là không nữa. Lại như cái thấy đương sanh

ra Sắc thì không sanh ra hư-không, không sanh ra hư không thì toàn thể đều là Sắc, còn đối với cái gì mà gọi là Sắc nữa. Còn như nói cái Sắc sanh ra cái thấy thì khi thấy cái không (là cái không có Sắc), cái thấy đã không được cái Sắc sanh ra tất phải tiêu-diệt, mà cái thấy đã tiêu-diệt thì lấy gì mà biết là Không hay là Sắc.

Xét như vậy thì biết năng-kiến (thấy) và sở-kiến (sắc-không) đều không có sanh-xứ; hai cái sanh-xứ đó đều hư-vọng không thiệt, bản-tánh chỉ là như-lai-tạng-tánh.

Lại như khi nghe các tiếng, cái nghe và các tiếng tất phải gặp nhau mới có thể nghe được. Vậy chúng ta thử xét nghe như vậy là cái nghe đi đến nơi các tiếng hay các tiếng đi đến nơi cái nghe. Nếu cái tiếng đi đến nơi cái nghe, thì một tiếng đã đến chỗ này, tất nhiên không thể đồng thời đến chỗ khác, vì sao đồng một lúc nhiều người lại có thể đồng nghe một tiếng? Còn như nói cái nghe đi đến nơi các tiếng thì đến chỗ này không thể đến chỗ khác, làm sao trong một thời lại nghe được nhiều tiếng? Xét như vậy thì biết cái sanh-xứ của năng-văn, sở-văn đều là hư-vọng thiệt ra chỉ là như-lai-tạng-tánh.

Lại như chúng ta ngửi các mùi thơm thoĩ, các mùi ấy do nơi cái ngửi sanh ra hay do nơi các vật sanh ra. Nếu nói rằng các mùi do nơi các vật sanh ra thì cái ngửi vẫn không có mùi, làm sao phát-sanh ra được mùi thơm mùi thoĩ. Còn như nói các mùi do các vật sanh ra thì khi đốt hương chiên-đàn, khói vừa mới lên, mà vì sao trong 40 dặm đã nghe thơm cả. Như nói có những chất rất nhẹ-nhiệm bay vào trong lỗ mũi nên nghe được hơi chiên-đàn thì các chất đó đã không thể thấy được, đã không phải gỗ chiên-đàn, đã không phải khói chiên-đàn, làm sao lại có mùi chiên-đàn? Nếu cái không thấy được mà có mùi chiên-đàn thì làm sao hư-không thường ngày lại không có mùi chiên-đàn? Xét như vậy thì biết rằng cái tánh ngửi và các mùi vốn không có sanh-xứ, thiệt ra chỉ là như-lai-tạng-tánh.

(Còn nữa) VIÊN-ẨM

經

首楞

嚴經

續

阿難，汝常二辰眾中持鉢，其
間或遇酥酪醍醐，名爲上味，於
意云何。此味爲復生於空中。生
於舌中，爲生食中？

阿難，若復此味生於汝舌。在
汝口中，祇有一舌，其舌爾時已
成酥味，遇黑石蜜，應不推移，若
不變移，不名知味。若變移者，舌
非多體，云何多味。一舌之知，若
生於食，食非有識，云何自知？又
食自知，卽同他食，何預於汝各
味之知？若生於空，汝啖虛空，當
作何味，必其虛空若作鹹味，旣
鹹汝舌，亦鹹汝面，則此界人同
於海魚，旣常受鹹，了不知淡。若

不識淡亦不覺鹹，必無所知，云
何名味，是故當知味，舌與嘗俱
無處所，即嘗與味，二俱虛妄，本
非因緣，非汝常晨朝以手摩頭於

阿難，汝此為云，何難，應則能
意云在無用，難生者，在空故身自
為則無阿所體為虛是，即非緣
則汝觸一體誰應

於能頭手，則一若觸不處
頭手，有手，一體者，能無處
有，與一體，非俱本非因
各頭為二所身，妄，本非因
若若身，當若，在與虛俱
觸，若身，當若，在與虛俱
成，若所，在與虛俱
非成，覺二俱
汝知觸性，



Kinh điển âm

THỦ - LĂNG - NGHIÊM KINH (SURAMGAMA)

(TỤC)

A-Nan như thường nhị thời chúng trung trì bát, kỳ giang hoặc ngộ tó-lạc, đê-hồ, danh vi thượng vị, ư ý vân hà? thử vị vi phục sanh ư không trung, sanh ư thiệt trung, vi sanh thực trung?

A-Nan, nhược phục thử vị, sanh ư như thiệt, tại như khâu trung chỉ hữu như thiệt, kỳ thiệt nhĩ thời dĩ thành tó vị, ngộ hắc thạch mật, ưng bất suy dĩ, nhược bất biến dĩ, bất danh trì vị, nhược biến dĩ giả, thiệt phi đa thể, vân hà đa vị như thiệt chỉ trì, nhược sanh ư thực, thực phi hữu thực, vân hà tự tri? hựu thực tự tri, tức đồng tha thực, hà dự ư như danh vị chỉ trì. Nhược sanh ư không, như đạm hư không, đương tác hà vị? lất kỳ hư không, nhược tác hàm vị, kỳ hàm như thiệt, diệt hàm như diệt, tác thử giới như đồng ư hải ngư, kỳ thường thọ hàm, liễu bắc tri đạm. Nhược bắc thức đạm, diệt bắc giác hàm, lất vô sở tri, vân hà danh vị? Thị cố đương trì vị thiệt dự thường, cu vô xứ sở, tức thường dự vị, nhị cu hư vọng, bốn phi như duyên phi tự nhiên tánh.

A-Nan, như thường thần triều dĩ thủ ma đầu, ư ý vân hồ? Thủ ma sở tri, thù vi năng xúc, năng vi tại thủ, vi phục tại đầu. Nhược tại ư thủ, đầu tác vô tri, vân hà thành xúc? Nhược tại ư đầu, thủ tác vô dụng, vân hà danh xúc? Nhược các các hữu, tác như A-Nan ưng hữu nhị thân.

Nhược đầu dự thủ, nhưt xúc sở sanh, tác thủ dự đầu, đương vi nhưt thể; nhược nhưt thể giả, xúc tác vô thành, nhược nhị thể giả, xúc thù vi tại, tại nặng phi sở, tại sở phi năng, bắc ưng hư không dự như thành xúc. Thị cố đương tri, giác xúc dự thân, cu vô xứ sở, tức thân dự xúc nhị cu hư vọng bồn phi nhưn duyên phi tự nhiên tánh.

A-Nan như thường ý trung sở duyên thiện, ác, vô ký, tam tánh, sanh thành pháp tác, thủ pháp vi phục tức tâm sở sanh, vi đương lý tâm biệt hữu phương sở.

A-Nan nhược tức tâm giả, pháp tác phi trần, phi tâm sở duyên, vân hà thành xứ? nhược lý ư tâm, biệt hữu phương sở, tác pháp tự tánh, vi tri phi tri, tri tác danh tâm, dĩ như phi trần, đồng tha tâm lượng, tức như tức tâm, vân hà như tâm cảnh nhị ư như. Nhược phi tri giả, thủ trần ký phi sắc thanh hương vị lý hiệp lãnh noãn cập hư không tướng, đương ư hà tại? Kim ư sắc không, đồ vô biểu thị, bất ưng nhưn gian cảnh hữu không ngoại, tâm phi sở duyên, xứ từng thù lập. Thị cố đương tri, pháp tác dự tâm cu vô xứ sở, tác ý dự pháp, nhị cu hư vọng, bồn phi nhưn duyên phi tự nhiên tánh.

KINH DIỄN NGHĨA

THỦ-LÃNG-NGIÊM KINH (Suramgama)

(Tiếp theo)

A-Nan, ông thường hai thời ở trong chùng cần binh bát khát-thực, trong đó hoặc gặp những món tô-lạc đê-hồ (1) gọi là vị quý. Ý ông nghĩ sao ? cái vị ấy lại là sanh nơi hư-không, sanh nơi thiết-cần hay sanh nơi đồ ăn.

A-Nan, nếu như cái vị ấy sanh nơi thiết-cần của ông, thì ở trong miệng ông chỉ có một cái thiết-cần, thiết-cần ấy lúc bấy giờ đã thành vị tô rồi, gặp món hác-thạch mật, lẽ không đời đời. Nếu không đời đời thì không gọi là biết vị ; còn nếu đời đời thì thiết-cần chẳng phải nhiều thế, làm sao một thiết-cần lại biết được nhiều vị.

Nếu sanh nơi đồ ăn, đồ ăn chẳng phải có tánh biết, làm sao tự biết được vị mình ; lại nếu đồ ăn tự biết thì cũng như miệng người khác ăn, nào dính dựa gì đến ông, mà gọi rằng ông biết vị.

Nếu sanh nơi hư-không, ông ném hư-không thử là vị gì. Nếu chắc hư không thành ra vị mạn, thì hư-không đã làm mạn thiết-cần của ông, cũng phải làm mạn cái mạn của ông. Vậy thời người thế-giới này đồng như cá biển, đã thường thường lãnh thọ cái mạn thì rốt ráo không biết thế nào là lạt. Nếu không biết lạt thì lại cũng không biết mạn ; mà đã quyết định không biết gì thì làm sao còn gọi là vị.

Vậy ông nên biết cái vị và tánh biết ném vị nơi thiết-cần đều không xứ sở, tức cái biết ném vị và các vị, hai cái sanh-xứ (2) ấy đều lưỡng đối, vốn chẳng phải nhơn-duyên, vốn chẳng phải tánh tự-nhiên.

1) TÔ-LẠC ĐÊ-HỒ. — là những vị bơ sữa làm ra, như beurre, fromage vân vân.

2) SANH-XỨ. — là chỗ phát sanh ra.

A-Nan, ông thường buổi mai lấy tay xoa đầu, ý ông nghĩ sao? cái biết có xoa như vậy, lấy cái gì làm cái năng-xúc? cái năng-xúc ở nơi tay hay là ở nơi đầu? Nếu cái năng-xúc ở nơi tay thì cái đầu không biết, làm sao lại thành ra xúc. Nếu ở nơi đầu thì cái tay không biết, làm sao lại gọi rằng xúc. Còn nếu mỗi mỗi cái đều có năng-xúc cả thì chính ông là A-Nan lẽ phải có hai thân.

Nếu hai cái giác-xúc nơi đầu và nơi bàn tay đều do một cái xúc sanh ra thì cái tay và cái đầu lẽ phải là một thể; mà nếu đồng một thể, không có năng-xúc sở-xúc thì cái nghĩa xúc lại không thể thành-tự. Còn nếu như hai cái hai thể thì cái xúc hiện ở bên nào, ở bên năng thì không phải sở; ở bên sở thì không phải năng, không lẽ cái hư-không đến làm cái xúc cho ông. Vậy ông nên biết rằng cái xúc cùng cái thân-căn đều không xứ sở, tức hai cái sanh xứ về thân-căn hay về xúc-trần đều là lưỡng đối, vốn chẳng phải hơn-duyên, chẳng phải tánh tự-nhiên.

A-Nan, ông thường trong ý duyên với ba tánh: thiện, ác và vô-kỷ, sanh ra có các pháp-tác (1); cái pháp ấy lại là chính nơi tâm sanh ra hay là ly cái tâm mà riêng có phương-sở (2).

A-Nan, nếu tức nơi tâm thì các pháp không phải là trần, đã không phải trần thì không phải là cái sở-duyên của tâm, làm sao lại thành ra có pháp-xứ (3)? Nếu ly cái tâm, riêng có phương-sở thì cái tự-tánh của cái pháp là có biết, hay là không phải có biết? Nếu có biết thì phải gọi rằng tâm; vậy như cái pháp có biết ấy khác với ông và không phải là trần thì nó đồng với tâm-lượng (4) của người khác; còn như cái pháp có biết ấy tức là ông và cũng tức là tâm thì làm sao cái tâm ông lại thành hai nơi ông. Còn nếu như không phải có biết thì cái pháp-trần ấy đã chẳng phải là sắc, thanh,

1) **PHÁP-TÁC.** — nghĩa đen là những khuôn-phép, những tánh-cách của các sự vật, lại cũng có nghĩa là sự sự vật vật.

2) **PHƯƠNG-SỞ.** — chỗ ở.

3) **PHÁP-XỨ.** — là cái sanh-xứ của các pháp-tác.

4) **TÂM-LƯỢNG.** — là sự so đo, sự tác dụng của cái tâm.

hương, vị, ly, hiệp, lãnh, hoãn (1) và tướng hư-không, vậy nó mới ở chỗ nào? hiện nay nơi sắc không kia đều không có thể chỉ bày cái gì là pháp trần, không lẽ ở như-gian lại có những cái ngoài vòng hư-không? Lại như nó đã chẳng phải là cái sở-duyên của tâm thì từ đâu mà lập ra có xứ.

Vậy ông nên biết rằng pháp-trần và tâm-căn đều không có xứ-sở, tức nơi ý-xứ (2) và pháp-xứ, hai cái sanh-xứ ấy đều lưỡng đối, vốn chẳng phải như-duyên, chẳng phải tánh tự-nhiên.

(Còn nữa) VIÊN-ÂM

1) LÃNH, HOẢN. — lạnh và nóng.

2) Ý-XỨ. — chỗ sanh-xứ của ý-căn.



LUẬN

因明入正理論

NHƠN - MINH NHẬP CHÁNH - LÝ LUẬN

(Tiếp theo)

因有三相何等為三謂徧示宗法

Nhơn hữu tam tướng. Hà đẳng vi tam? Vi biến thị tôn pháp

性同品定有性異品徧無性云

tánh, đồng-phẩm định hữu-tánh, dị-phẩm biến vô tính. Vân

何名為同品異品為所立法均等

hà danh vi đồng-phẩm dị-phẩm? vi sở lập pháp quân đẳng

義品說名同品如立無常平

nghĩa phẩm thuyết danh đồng phẩm, như lập vô thường, bình-

等無常是名同品異品者謂於是

đẳng vô-thường, thị danh đồng phẩm; giả, vi ư thị

處無其所立若有是常見非所作

xử, vô ký sở lập, nhược hữu thị thường, kiến phi sở-tác,

如虛空等此中所作性或勤勇無

nữ hư không đẳng. Thủ trung sở-tác tánh, hoặc cần-dùng vô

間所作性徧是宗法於同品定有

giàn sở tác tánh, biến thị tôn pháp, ư đồng phẩm định hữu

於異徧無是無常等因

ư dị biến vô, thị vô-thường đẳng nhân.

1) Nhơn hữu tam tướng. — Nghĩa là « *Cái nhơn của chơn-năng-lập phải có ba tướng* ». Phạm đã lập một cái *tôn* cần phải chú duyên cớ vì sao mà mình lập cái *tôn* như vậy. Cái duyên cớ làm sao đó thì gọi là *nhơn*. Cái *nhơn* đó phải có ba tánh-cách như sau này mới thành-lập cái *tôn* được.

2) Hà đẳng vi tam? vi biến thị tôn pháp-tánh. — Nghĩa là « *Thế nào là ba tướng? Ba tướng là: « Khắp là tánh của hữu pháp của tôn* ». Câu sau này là tánh cách thứ nhất của *nhơn*. Như lập cái *tôn*: « *Cái tiếng là vô-thường* » thì cái tiếng là *hữu-pháp*, vậy cái *nhơn* cần phải là một cái *tánh* của khắp cả các tiếng mới được.

Phạm đã lập lượng là cốt để giải quyết những chỗ bèn *lập* bèn *dịch* không đồng ý-kiến; như bèn *dịch* cho cái tiếng là thường, bèn *lập* thì cho cái tiếng là vô-thường; hai bèn không đồng ý, nên bèn *lập* mới nêu ra cái thuyết « cái tiếng là vô-thường » để bài bác bèn *dịch*. Song chỗ cãi nhau là về *hậu-trần*, là về *năng-biệt* của *tôn*, chớ về phần cái *nhơn* thì lại cần phải là một tánh mà khắp cả hai bèn đều công-nhận, hoặc ít nữa bèn *dịch* phải công-nhận, vì nếu lấy một tánh mà bèn *dịch* không công-nhận ra làm *nhơn* thì cái *nhơn* ấy không thể thành-lập cái *tôn*-chỉ mình đặng. Ví dụ như đối với những người tin có Tạo-hóa và tin Tạo-hóa là thường, người đạo Phật muốn bác chỗ ấy, lập ra cái *tôn*: « *Tạo-hóa của các anh*

là vô-thường » ; đối với cái *tôn* ấy, người đạo Phật lại lập cái *nhơn* : « Vì là một trừu-tượng vậy », thì chắc những người tin có Tạo-hóa không chịu tin-phục, vì họ không cho Tạo-hóa là một trừu-tượng ; cái *nhơn* như thế không thể thành-lập được cái thuyết của mình và không phải là cái *nhơn* của *chơn-năng-lập*. Trái lại, cái *tôn* của *chơn-năng-lập* cần phải là một tánh của *hữu-pháp* mà tất cả bên *lập* bên *dịch* đều công-nhận, hoặc ít nữa một mình bên *dịch* công-nhận, còn bên *lập* thì tạm nhận mới được.

3) Đồng phẩm định hữu tánh. — Nghĩa là « *Trong các món đồng-phẩm, định phải có món có tánh ấy* » — Như lập cái *tôn* : « cái tiếng là vô-thường » thì các món vô-thường đều gọi là *đồng-phẩm* ; vậy trong các món vô-thường quyết định phải có một vài món mà cả bên *lập* bên *dịch* đều công-nhận có cái tánh như vậy thì mới có thể đem tánh ấy mà lập làm *nhơn* dạng. Trái lại, nếu lập một tánh làm *nhơn* mà trong các món *đồng-phẩm*, không món nào có tánh ấy thì còn biết lấy cái gì làm chứng có nơi thật sự cho được. Đã không có chứng có nơi thật sự thì cái *tôn* hóa ra lời nói suông và cái *nhơn* như vậy không phải là *chơn-năng-lập*. Ví dụ như lập cái *tôn* : « cái tiếng là vô-thường », rồi lập cái *nhơn* : « vì có tánh bị nghe vậy, thì ngoài các tiếng ra, trong các món vô-thường, không còn món nào có cái tánh bị nghe, còn biết lấy gì làm chứng có rằng các cái bị nghe là vô-thường cho được. Trái lại, cái *nhơn* của *chơn-năng-lập* cần phải là một tánh mà bên *lập* bên *dịch* (ít nữa một mình bên *dịch*) đều công-nhận rằng có những món *đồng-phẩm* có cái tánh ấy mới được.

4) Di phẩm biến vô tánh. — Nghĩa là « *Khắp cả các món di-phẩm đều không có tánh ấy* ». — *Di-phẩm* trái hẳn với *đồng-phẩm* ; như lập cái *tôn* : « cái tiếng là vô-thường » thì các món *vô-thường* là *đồng-phẩm*, còn các món *thường* là *di-phẩm*. Muốn lập một *tánh* làm *nhơn* thì cái *tánh* ấy, khắp tất các món *di-phẩm*, không món nào có thì mới có thể lập làm *nhơn* được.

5) Văn hà danh vị đồng-phẩm dị-phẩm ? vị sở lập pháp quán đẳng nghĩa phẩm, thuyết danh đồng-phẩm. — Nghĩa là « *Làm sao gọi là đồng-phẩm, là dị-phẩm ? các món có tánh-cách cân-xìng y như cái pháp sở-lập thì gọi là đồng-phẩm* ». — Cái pháp sở-lập tức là cái pháp của tôn ; tôn có hai phần là hữu-pháp và pháp ; trong cái tôn : « cái tiếng là vô-thường » thì cái tiếng là hữu-pháp, còn vô-thường là pháp ; trong cái tôn ấy cái pháp sở-lập tức là vô-thường ; vậy đối với tôn ấy, như pháp nào có tánh-cách vô-thường y như cái pháp vô-thường của tôn thì gọi là đồng-phẩm.

6 Như lập vô thường, bình đẳng vô-thường, thi danh đồng-phẩm. — Nghĩa là « *Như lập cái tôn vô-thường, các món như cái bình vân vân, nó cũng là vô-thường thì gọi là đồng phẩm* ». — Đối với cái tôn : « cái tiếng là vô-thường » thì những món đồng-phẩm là những món có cái tánh vô-thường, song cần phải cả bên lập bên dịch đều công nhận có tánh vô thường ấy mới được gọi là đồng-phẩm.

7) Dị phẩm giả, vị ư thị xứ, vô kỹ sở lập. — Nghĩa là : « *Dị-phẩm là những món mà ở nơi đó, không có cái pháp sở lập* ». — Như lập cái tôn là vô-thường, những cái mà bên lập bên dịch đều công-nhận là không có tánh-cách vô-thường thì gọi là dị-phẩm. Nói tóm lại, muốn lập một cái tánh-cách gì làm *nhơn*, cần phải xét rõ bên dịch có nhận rằng cái hữu-pháp có tánh-cách ấy không ; lại xét trong các món đồng-phẩm, thử có món nào có tánh-cách ấy để làm bằng chứng không ; rồi xét khắp cả các món dị phẩm, thử có phải tuyệt nhiên đều không có tánh-cách ấy không ; vì như lập cái tôn : « cái tiếng là vô-thường » và dùng cái « tánh sở tác » (tánh bị làm ra) làm *nhơn* thì cần phải xét rõ :

a) Bên dịch có công-nhận cái tiếng có tánh sở-tác không ?

b) Trong các món vô-thường, có những món mà bên dịch công-nhận có cái tánh sở-tác không ?

c) Các món dị-phẩm có phải tuyệt nhiên không có tánh sở-tác không ?

Xét cả ba đều, đều được ổn thỏa thì mới có thể lập « tánh sở-tác » làm cái *nhơn* cho *tôn vô-thường*.

8) Nhược hữu thị thường, kiến phi sở-tác, như hư-không đẳng. — Nghĩa là « Nếu có gì là thường thì liền thấy nó chẳng phải là một sở-tác như hư-không, vân vân ». — Đối với cái *tôn vô-thường* thì các món mà bên *địch* nhận là không có tánh-cách vô-thường đều gọi là *dị-phẩm* và những món ấy thì tạm gọi là thường. Các món thường ấy, như hư-không vân vân chẳng những không có tánh-cách vô-thường mà cũng cần phải không có tánh-cách sở-tác; vì nếu nó có tánh-cách sở-tác thì cái *nhơn* sở-tác hóa ra thiếu tánh-cách thứ ba là tánh-cách: « *dị-phẩm* biến vô tánh ».

9) Thủ trung sở-tác tánh, hoặc căn đồng vô gián sở phát tánh, biến thị tôn pháp, ư đồng phẩm định hữu, ư dị-phẩm biến vô, thị vô-thường đẳng nhơn. — Nghĩa là « Trong ấy, như tánh sở-tác hoặc tánh căn-dồng-vô-gián-sở-phát, nó khắp là tánh của hữu-pháp, nơi đồng-phẩm định có môn có, nơi dị-phẩm tất cả đều không thì các tánh ấy là cái *nhơn* cho *tôn vô-thường* thấy ». — Tánh sở-tác là tánh bị cái khác làm ra; tánh căn-dồng-vô-gián-sở-phát là cái tánh do các khả-năng-tánh tiếp tục xúc động mà phát-khởi; tùy theo chỗ chấp của bên *địch*, hai cái *nhơn* ấy đều có thể thành-lập cái *tôn* « vô-thường », hoặc cái *tôn* « phi-thường-trú », « chung tung biến diệt » thấy; vì hai cái *nhơn* đó đủ cả ba tướng: « biến thị tôn pháp tánh, đồng phẩm định hữu tánh, dị-phẩm biến vô tánh ». Trong 3 cái tướng ấy, như là về cái tướng *biến thị tôn pháp tánh* thì phải xét thử bên *địch* có nhận cái tiếng có « tánh sở-tác » hoặc có « tánh căn-dồng-vô-gián sở-phát » không? Nếu họ có nhận thì mới có thể lập làm *nhơn* được.

Xem như vậy thì biết cái phạm-vi của *nhơn* cần phải rộng hơn *tiền-trần* và bằng hoặc hẹp hơn *hậu-trần* mới được; nếu phạm-vi rộng quá, lạm ra ngoài *hậu-trần*, thì phải bị thiếu cái tướng « *dị-phẩm* biến vô tánh » và không thể thành-lập *tôn*-chỉ được.

Phạm-vi của cái nhọn đối với tiên-trần,
hậu-trần, đồng-phẩm và dị-phẩm :



Dị-phẩm = Không có tánh vô-thường



CUỘC THUYẾT PHÁP TẠI LÃNG GIAM-BIÊU « GÃN CHÙA LINH-MỘ »

(Hôm 3 Juillet 1937)

Y theo lời thỉnh cầu của một phần đông Hội-viên và các Viên-chức làng Giam-Biêu yêu cầu Hội-Phật-Học Huế lên giảng Phật-pháp cho dân chúng làng ấy cùng các làng lân cận được nghe, Hội định đến ngày 8 Juillet giảng pháp tại làng ấy.

Ba giờ chiều hôm đó, các vị chức sắc trong làng cho đem dò xuống đón, Hội có thỉnh bốn thầy Đạo-sư lên chứng minh cho cuộc diễn-giảng được thêm long trọng.

Đò các ngài Chứng-minh cùng các Hội-viên đến thẳng chùa Khánh-vân cách chỗ giảng 500 thước đặng lên chùa lễ Tổ cùng các người đại-diện của làng. Chùa này là một chùa Tổ trong Chư-sơn, ngài Khai-sơn là ngài Thanh-Liêm Hòa-thượng người Tàu làm Hòa-thượng truyền giới cho đức Hiếu-Võ, pháp-hiệu là Từ-Tế đạo-nhơn, năm thứ 8 niên-hiệu Cảnh-Hưng. Trong một bài sau, tôi sẽ tường thuật sự tích chùa ấy.

Nay nói qua lúc các ngài vào chùa lễ Phật-tò xong thì đồng đến chỗ giảng. Nhà giảng là cái rạp rất lớn, sự trang thiết rất có công phu, khá khen thay cho tấm lòng mộ đạo của các vị hưu-quan, các vị thân hào đã vì dân lành không quản sự tốn kém, nhọc mệt, tổ chức cho dân chúng hấp thụ được cái ảnh hưởng đạo đức cao thâm của đạo Phật nước nhà. Nếu làng nào các vị hưu quan thân hào cũng đều hào tâm đem cái thì giờ nhàn rỗi ấy mà lo bồi bổ nền đạo đức cho dân gian, thì lo gì các cái họa thương luân bại lý sau này không có ngày tiêu diệt.

Đúng 8 giờ, chủ khách đều an tọa, hơn 200 thỉnh-giả đến nghe, ai nấy đều yên lặng. Ông Lê-đình-Thâm thay mặt ban trị-sự đứng ra giới-thiệu thầy Đốc-Học trưởng Tiểu-học của Hội, pháp hiệu là Tri-Độ. Thầy là một nhà Cư-sĩ đã từng giúp các báo Phật như Từ-Bi-Âm, Viên-Âm, thầy theo học với ngài

Hòa-Thượng Phước-Huệ đã hơn 10 năm, trai giới tinh-nghiệm, đạo học uyên bác, thân tuy cư-sĩ, tâm tợ xuất-gia, đã từng lo dắc diu các trò tiểu học trên con đường Chánh-tín. Thầy giảng về vấn-đề **“Mê-Tín và Chánh-Tín”**, bài ấy kỳ sau sẽ đăng, đại đề ý bài ấy là cốt chỉ trừ các việc túi mơ màng không, thiết thiết, nghĩa là tin theo sự phỏng đoán mơ hồ, không đúng lý nghĩa chắc thật; tin như vậy có cái hại là làm cho lòng người trở nên giải đãi yếu hèn, mơ hồ, khiếp nhược. *Lòng tin như vậy cho nên cái tánh các người ấy trở nên ỷ lại chỉ cầu nương tựa nơi cái sức mạnh hoặc thần lực ở ngoài mà thôi, tục thường hay gọi các người ấy hay cậy thần cậy thành là vậy. Đối với Thần-Thánh chỉ kêu van cho Thần-Thánh bình vực mình, mà xa lỗi của mình đã làm ra, người tin như vậy có cái hại là không tự mình cải ác tùng thiện mà trái lại trở đi ỷ nơi Thần-Thánh sẽ tha cho mình các điều tội lỗi.*

Nói đoạn Mê-tín xong, thầy lại đem về lỗi Chánh-tín, nghĩa là sự tin do nơi thực nghiệm, nơi lý đoán rõ ràng thì dụ như tin Nhơn-quả, nghĩa là tin: nếu mình ở ác sẽ gặp ác, ở lành sẽ gặp lành, như một người đi buôn mà thật thà sẽ được cái kết quả “thiên hạ tin cậy” người làm ruộng ra công cấy cấy sẽ được cái kết quả “nhiều lúa, nhiều khoai”. Nói tóm lại, tin Nhơn-quả là tin rằng nếu mình tạo cái nhơn tốt thì chắc sẽ được cái quả tốt. Sau đoạn, thầy nói về điều ích lợi của sự tin Phật-bảo, Pháp-bảo và Tăng-bảo về phần sự sống của loài người. Lời nói rất lưu loát hùng hồn, lý nghĩa phân tĩa rất rành mạch dễ hiểu, duy chỉ một đôi chỗ thầy nói hơi quá mạnh và hơi dài, song đó cũng chỉ là một đôi cái lỗi nhỏ của các nhà diễn-giã mà thôi.

Đoạn ông Lê-dinh-Thám tiếp lên nói thêm một đoạn về lối tu cho khỏi khổ đạng vui, về cách diệt trừ tham, sân si v.v. lời lẽ giản-dị, công chúng đều hiểu được cả.

Cuối cùng một ngài đại-diện cho làng ra đọc bài sau này:

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT:

Xin bạch các ngài Chứng-minh Đại-Đạo-Sư của qui Hội, thưa các ngài trong qui Hội,

Sắc-hào lý-dịch chúng tôi xin thay mặt cả làng, kính tố ít lời cảm tạ qui Hội.

Chúng tôi sở dĩ sao mà yêu cầu qui Hội đến giảng đạo Phật cho làng chúng tôi và các làng lân cận nghe, thời trong lá thư của chúng tôi yêu cầu, chúng tôi đã bộc bạch cùng qui Hội rồi.

Nay qui Hội phát lòng bõ-đề, không quā xa xuôi quá bộ đến làng chúng tôi, giảng diễn đạo Phật cho làng chúng tôi và cho các làng lân cận nghe, lời lẽ diễn giảng rất là cặn kẽ rõ ràng, sau khi chúng tôi được nghe rồi, biết ra đạo Phật là một đạo cao siêu mà thiết-thiết, thích hợp với đạo đời, chúng tôi đều phát nguyện: từ rày xin sùng thượng theo tôn chỉ đạo Phật, tu tập bốn chữ: Từ, Bi, Hỷ, Xả, dứt trừ ba nghiệp chướng: Tham, Sân, Si, tránh chỗ mê lầm, bước lên con đường giải thoát, đề cho khỏi phụ chỗ yêu cầu của chúng tôi, và khỏi phụ công đức của các ngài; cái tạo nhân chỗ phát nguyện của chúng tôi về sau có tinh tấn hay không, cái kết quả chỗ phát nguyện của chúng tôi về sau có viên mãn hay không, đều là chúng tôi không dám quả quyết, nhưng chúng tôi xin gắng hết sức, cố làm cho trọn vẹn lời của chúng tôi đã phát nguyện từ hôm nay.

Chúng tôi lại nghĩ: Mục đích của qui Hội là hoằng-dương Phật pháp, tất nhiên qui Hội có tới làng này qua làng nọ đem dâng chỉ neo, hóa độ cho chúng-sanh; nhưng chúng tôi trộm nghĩ lâu nay qui Hội chỉ giảng ở Hội-quán, ở các Chi-hội và các chùa đã có nhiều Hội-viên, còn ra các hương thôn thời qui Hội bận về các việc tấn hành của qui Hội, qui Hội chưa có thì giờ đi giảng cho một làng nào. bây giờ làng chúng tôi được qui Hội về giảng lần đầu tiên của qui Hội đi giảng ở chốn hương thôn; qui hóa thay, hân hạnh thay, chẳng những làm cho tăng thêm mỗi cảm tưởng của chúng tôi đối với qui Hội, mà chúng tôi lại còn chấp trước rằng: “Thùy túc tri, nhi ngộ

thành” nhân đó mà phát lòng tu tỉnh đồng mãnh cho chúng tôi nữa.

Công đức quý Hội vô lượng vô biên, chúng tôi nhất tâm niệm Phật, nguyện chúc quý Hội một ngày một phát đạt đề rồi khắp sự hoàng-pháp đũ mọi nơi, chỗ chúng sanh được nhờ mà vãng hồi Phật-tâm, Phật-tánh.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Giam-Biêu le 3 Juillet 1937

Thị-Lang tri-sự: Hoàng-hữu-Tế

Hồng-ló tự-Khanh: Nguyễn-xuân-Hàng

Lý-Trưởng: Nguyễn-Vỵ

Cuộc giảng xong đến 10 giờ, ai nấy đều ra về vui vẻ.



VẤN - ĐỀ THỌ - TRAI

Tứ trai, lục trai, và thập trai

Lâu nay các độc-giả Viên-Âm nhiều người gửi thơ hỏi vì sao mà phải ăn tứ-trai, lục-trai, hoặc thập-trai; và về mấy ngày trai ấy chưa thấy các tạp chí Phật nào giải cho mình bạch, vậy nay tôi xin phương tiện viết luôn bài này để giải quyết vấn đề thọ trai cho các nhà có đạo tâm muốn tu tập khỏi nghi ngờ về sự thọ trai vậy.

Chữ trai nghĩa là trai-giới do từ pháp **bát-quan** mà ra. Phật chế ra cái pháp **bát-quan trai-giới** là để cho người tại-gia thọ-trì trong một ngày một đêm, nghĩa là từ 12 giờ khuya nay vào bạch Phật thọ-giới cho đến 12 giờ khuya mai thôi xả giới. Chữ trai là một pháp cốt yếu trong tám pháp giới này, trai nghĩa là giữ giới phi thời thực, thí dụ như mình phát nguyện trước Phật chỉ ăn một bữa hay hai bữa, thời không phép ăn ngoài các bữa đã phát nguyện giữ giới đó, thí dụ như phát nguyện không ăn thịt các con sanh-vật trong các ngày thọ trì trai-giới ấy v. v.

Ngoài các giới thọ trai lại còn bảy giới phụ thêm nữa

- 1/ Bất sát sanh
- 2/ Bất thâu-đạo.
- 3/ Bất phạm tịnh-bhnh nghĩa là không tà dâm và cũng không chánh dâm.
- 4/ Bất vọng ngữ
- 5/ Bất ăm-tửu
- 6/ Bất trước hương hoa
- 7/ Bất ca-vũ xướng-ky.

Trong bảy pháp này và một pháp thọ trai là giới phi thời thực nên gọi chung là bát-quan trai-giới. Trong pháp tu của người tại gia này là cốt yếu phải giữ pháp thọ trai và cả bảy giới kia nữa vậy.

Từ xưa nay tiếng ta thường gọi ngày trai, tức do cái pháp bát-quan trai-giới của Phật chế ra cho người tại-gia thọ trì trai-giới, như trong luận Cu-xá, luận Trì-độ và kinh Thập-thiện giới đều có nói về pháp bát-quan trai-giới này cả.

Về công đức trì-giới như kinh Thập-thiện-giới nói rằng :
 Hễ người nào thọ trì pháp bát-quan trai-giới ấy thời sẽ được tám cái công đức như sau này :

- 1/ Chẳng đọa địa ngục.
- 2/ Chẳng đọa ngã quỷ.
- 3/ Chẳng đọa súc sanh.
- 4/ Chẳng đọa về loài A-Tu-La.
- 5/ Thường được thọ sanh trong đạo người, được chánh kiến xuất-gia, được chứng niết-bàn.
- 6/ Được sanh về cõi trời.
- 7/ Thường sanh về cõi trời Phạm-thiên.
- 8/ Thường gặp Phật ra đời, tự mình được thỉnh Phật chuyển pháp luân và sẽ được đạo quả Bồ-Đề.

Ấy, nghĩa là thọ trì trai-giới xuất sanh trong pháp bát-quan trai-giới mà ra, người đời nay cần khi kém hèn cho nên chỉ còn giữ được một pháp thọ trai mà thôi. Vậy dám mong ai là người đã phát Bồ-Đề tâm mà thọ trì trai-giới thời xin gắng giữ thêm một vài giới trong bảy giới kia, nếu ai giữ được cả tám giới thời hay lắm.

Còn về nghĩa tứ-trai, lục-trai và thập-trai là một đều phương tiện của các vị lữ-sư y theo căn tính của mỗi người mà vẽ cho họ tập lần từ hai ngày sắc-vọng cho đến mười ngày rồi lại đến tam nguyệt trường-trai, nghĩa là trong một năm ăn trường-trai ba tháng. Mấy đều đó toàn là phương-tiện của các người lập khóa ra để dắc lần chúng sanh trên đường tu tịnh-nghiệp.

Như trong Thủy sám nói lục-trai là về ngày mồng 8, 14, 23, 29, 30. Chỗ này nhiều người rất nghi không biết vì sao ngày mồng một lại không thọ-tri trai-giới; xin thưa rằng theo như pháp bát-quan trai-giới trên kia thời thọ tri từ mười hai giờ này đến mười hai giờ khuya mai, tức là khuya ba mươi cho đến khuya mồng một mới xả giới, và lại hai ngày sóc-vọng dù cho người nào mới quy-y Phật cũng còn giữ giới trong hai ngày ấy được thay hưởng chỉ một người đã thọ được lục-trai lẽ nào lại bỏ ngày sóc-vọng mà không ăn.

Chúng tôi rất mong các ngài độc-giả Viên-Âm sau khi được bài này rồi và đã hiểu rõ được pháp bát-quan trai-giới thời nên phát Bồ-Đề-Tâm mà tập lần, sự thọ tri trai-giới. Các ngài nên biết về cái nghiệp giải đãi của chúng ta và về sự bắt buộc của các người đã có gia đình nên Pháp mới lập ra cái pháp này cho chúng ta để theo tu tập. Nay chúng ta đã phát nguyện theo Phật thời cũng nên tu tập lần lần ban đầu hai ngày sóc-vọng rồi sau đến tứ-trai, lục-trai và thập-trai, tùy nguyện chúng ta giữ được bao nhiêu thì tốt bấy nhiêu và phải cho biết rằng một ngày tu tịnh nghiệp là một ngày bớt được các tội lỗi.

Nếu người nào không giữ được đủ 24 giờ đồng hồ nghĩa là 12 giờ khuya này cho đến 12 khuya mai thời cứ nên y các cái ngày thọ trai trong xứ ta đã theo lâu nay.

Vê nhị trai là ngày 1 và 15

Vê tứ trai là 30, 1, 14, 15

Vê lục trai là 4, 8, 14, 15, 23, 30

Vê thập trai 4, 8, 14, 15, 18, 23, 24, 28, 29, 30.

Ấy là các ngày thông thường xưa nay trong nước ta vẫn đúng làm ngày trai, chỉ cốt xin các ngài hiểu cho rằng đây là phương tiện đặc lần chúng ta trên con đường tu tập.

Nam Mô cầu sám hối BỒ TÁT MA HA TÁT,



Thơ từ vàng lai

THƠ HỎI

(Của ông C. X. L. Phan-thiết)

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Kính Ngài

Tôi vì mới nghiên-cứu giáo-lý của Phật-dã mà nền giáo lý ấy lại là một nền giáo-lý quá cao siêu-huyền-diệu. Với căn cơ của tôi thì còn thấp thỏm, thành thử nhiều chỗ muốn tìm hiểu mà hiểu không thể được. Nhưng chư Phật vì phương tiện vì căn cơ của chúng-sanh, nên mới có quyền, thiết, đốn, tiệm, giáo-lý Tam-thừa chớ sự thật thì chẳng có pháp-môn nào là pháp-môn của Phật cả. Vì lẽ ấy mà tôi tuy trình-độ học hỏi thấp kém bực nào thì cũng có pháp-môn mà tu học.

Thưa Ngài : tôi xin lược thuật đại ý trong kinh Thủ-Lăng-Nghiêm quyền thứ tư, chỗ Phật nói về thế-giới chúng-sanh cùng nghiệp-quả. Nguyên hồi vô-thỉ trên cái giác-thể vì một niệm vọng-minh phát khởi, mà Tâm phát diên-động, nên mới có núi, sông, đất liền, các tướng hữu vi.

Thì ông Phú-lâu-Na bạch Phật — cái tánh Phật ấy ở Phật cũng không thêm, mà ở phàm như chúng-sanh cũng chẳng bớt

chơn-thề lâu-lâu một màu sáng suốt mà thật vậy nổi lên các tướng hữu-vi như thế thì ngày nay cái tánh Phật ở trong thân Phật đó đến ngày nào nó mới thật dậy nổi lên. . . .
. . . . vân vân
. . . . * e

Thì Phật trả-lời rằng : Những cái danh-từ giác-thề chơn-tâm sau này mới cưỡng danh mà gọi, chớ trước kia không thề nói mê hay ngộ vọng hay chơn được, ví như một người đi đường kia trước khi chưa đi thì nó đứng tại ngã-hai chưa đi đường nào thì ai được biết nó mê hay ngộ, vọng hay chơn. Nhưng nó muốn đi về hướng Đông mà thật vậy nó lại đi qua hướng Tây ấy là một niệm vọng — mình đã phát-khởi thành phải lạc nẻo sai đường sau khi qua hướng Tây nó gặp người đi đường nó hỏi ra, người đó chỉ cho nó biết cái hướng mà nó đi đó không phải là hướng Đông. Khi ấy nó mới biết là mê-lầm mà hồi đầu trở lại hướng Đông, ấy là từ chỗ vọng mà hoán về chơn thì đã trúng hướng nhằm đường rồi thì lầm chi mà sai lầm được nữa. . . .
. . . .

Những lời Phật trả lời cùng ông Phú-lâu-na như vậy, theo ý ngu của tôi thì tôi nhận thế là cứu-cánh tuyệt-đối.

Nhưng có nhiều ông bạn học Phật không nhận như thế cho là cứu-cánh, họ nói trước kia đã sáng-suốt hoàn-toàn nên mới gọi là « chơn như » rồi từ chỗ chơn mới khởi ra vọng nên mới có sơn-hà đại-địa thế-giới chúng sanh, thì bây giờ cần phải tu học đặng phần bản hoàn nguyên, chớ nói trước kia chẳng phải chơn mà cũng không phải vọng, thì sao lại gọi phân bản hoàn-nguyên vì hồi vô-thỉ nó Toàn-chơn nên mới gọi là phân bản chớ.

Thưa Ngài : Theo lời của những ông bạn nói như trên mà nếu nhận là đúng thì các giống hữu-tình cùng vô-tình từ chỗ vọng mà về chơn đồng tròn một trí rồi thì cùng có ngày từ chỗ chơn mà khởi ra vọng lại : thế thì chúng sanh thành Phật, Phật trở lại chúng-sanh kiếp kiếp đời đời biết bao giờ dứt,

Thưa Ngài : Vì kiếp-trước vụng đường tu nên chi kiếp này tôi không đặng gần Thầy hay bạn giỏi mà cho tiện bề tu học ; tôi chỉ đọc sách mà tìm tôi, nên chi sự tìm tôi ấy nhiều khi nó tùy theo trình-độ cao-thấp mà nhận là chơn lý thì cái chơn-lý ấy nó tùy theo trình-độ mà có chớ chẳng phải là chơn-lý tuyệt đối.

Nên chi những lời Phật dạy trước kia đối với tôi, tôi cho là cứu-cánh tuyệt-đối mặc dầu, nhưng có nhiều ông bạn không cho như thế là đúng thì tôi không tránh khỏi những sự hoài-nghi. Vì sự học hỏi của tôi quá hèn-thấp mà những lời Phật dạy quá cao-siêu vì sự cao siêu ấy tôi e không hiểu nổi mà nhận lầm thành ra mê chấp.

Thưa Ngài : Vậy thì ý kiến của tôi và ý kiến của những ông bạn mà tôi đã lược thuật như trên cái nào là đúng hay là ngoài hai cái ý-kiến ấy ra còn có chỗ nào cao-siêu hơn nữa, cúi xin nhờ lượng cao-minh chỉ giáo.

THƠ TRẢ LỜI

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Chúng tôi tiếp được thơ ông đề ngày 31-7-37, đọc đi đọc lại, rất mừng cho ông thiện-căn rất hy-hữu, tuy không gặp thầy gặp bạn mà tự mình đã gắng sức nghiên-cứu giáo-lý của đạo Phật một cách rất châu đáo.

Đạo Phật tuy pháp-môn vô-lượng nhưng cũng không ngoài pháp Tứ-đế là : tri-khổ, đoạn-tập, tu-đạo và chứng-diệt.

Tri-khổ là biết khổ, biết cái tình trạng giữa thế-gian là khổ, biết cái phân đoạn sanh tử là khổ thì về phần tiểu-thừa, biết cái biến-dịch sanh tử là khổ, biết các môn pháp-chấp làm cho không đặng tự-tại là về phần đại-thừa.

Đoạn-tập là dứt trừ các tập-nhơn nghĩa là các nguyên-nhơn nhóm góp tạo ra những sự khổ như trên đã nói. Trong các tập-nhơn đó tiêu-thừa chỉ dứt trừ phiền-não chương tứ tham, sân, si cho đến ngã-kiến, đại-thừa thì dứt trừ cả sở-tri-chương nữa.

Tu-đạo nghĩa là tu các pháp-môn để dứt trừ các tập-nhơn ấy.

Chứng-diệt là chứng cái hiệu-quả « phiền-não chương-diệt » và « sở-tri-chương-diệt ».

Nói tóm lại, chúng ta học đạo chẳng phải để biết những lý-thuyết cao siêu, mà chính là cốt để xét tìm một đạo-lý chơn-chánh, quyết định đủ năng-lực dứt trừ các tập-nhơn đang tu tập theo để cho thoát-ly ra ngoài các sự khổ-não, và được tự-tại giải-thoát.

Vậy trong khi chúng ta học kinh là học cho rõ đường lối tu hành, chớ không phải để nhớ thêm ít câu chuyện huyền-diệu ; đều này xin ông đề ý cho lắm.

Lời trong thơ ông nói tôi cũng thường nghe nhiều người đạo Phật nói. Họ nói rằng : « nguyên hồi vô-thỉ, trên cái giác-thể, vì một niệm vô-minh phát-khởi mà tâm phát điều động nên mới có núi, sông, đất liền, các tướng hữu-vi ». Câu nói ấy làm cho nhiều người nghi hoặc. Thiệt là một lối « y kinh giảng giải tam thế Phật oan » vậy. Trong kinh nói « từ vô-thỉ lai » chớ đâu có nói cái đời vô-thỉ, vì đã là vô-thỉ thì đâu phải một hồi hay một đời. Nói « cái đời vô-thỉ » đã là sai lầm, lại nói « từ đời vô-thỉ đến nay » thì lại sai lầm lắm lắm. Bản-thể vẫn vô-thỉ vô-chung, chúng sanh vọng-chấp có thời-gian (quá-khứ, vị-lai, hiện-tại) nên Phật mới dạy hai chữ « vô-thỉ » để phá cái vọng-chấp ấy. Lại muốn sự muôn vật đều do cái thể vô-thỉ vô-chung ấy biến hiện, nên Phật dạy « từ vô-thỉ lai » chớ đâu có cái đời vô-thỉ.

Lại như câu : « Nhưt niệm bất giác » mà dịch nghĩa là một cái niệm bất giác, nếu dịch như vậy thì cái bất giác thành ra « hữu-thỉ » ; trái với trong kinh Phật thường dạy « vô-thỉ » « bất giác ». Lại một niệm ấy là bất-giác, thể còn các niệm khác không phải bất-giác hay sao. Nếu các niệm khác đều là bất-giác, thì sao lại

không nói « niệm niệm bất-giác » mà chỉ nói « nhưt niệm bất-giác ». Thiệt ra nghĩa câu ấy không phải như vậy. Tâm của chúng ta nơi đương niệm vẫn không có năng có sở, có tự có tha ; lý nhưt niệm ấy chúng ta không giác nên gọi là nhưt niệm bất-giác chứ không phải vì ban đầu có một niệm bất-giác mà hóa ra chúng-sanh thế-giới.

Hai chỗ đó, xin ông xét lại cho rõ ràng rồi ông hãy xem văn kinh Lăng-nghiêm trong quyển thứ tư lại, tham cứu ý nghĩa những câu : « tánh giác tất minh, vọng vi minh giác, giác phi sở minh, nhưn minh lập sở, sở ký vọng lập, sanh như vọng năng » cho đến câu : « Vô đồng dị trung, xi nhiên thành dị », rồi ông chính nơi đương niệm xét thế nào là « vọng vi minh giác », thế nào là « xi nhiên thành dị » thì ông sẽ nhận rõ thánh chỉ của Phật, không còn nghi ngờ gì được nữa.

Đến như chỗ nghi của các ông bạn ông, chỗ nghi đó trong kinh văn đã giải quyết một cách viên-mãn rồi, chỉ vì ông bị những câu : « từ vô-thỉ lai », những câu : « nhưt niệm bất giác » làm chướng ngại nên chưa rõ đó thôi. Xin ông gắng đọc đi đọc lại đoạn ấy và nhận cho rõ, về sau hoặc ông hiểu cách thế nào, hoặc ông có chỗ nào nghi hoặc, xin viết thư cho chúng tôi rõ, chúng tôi sẽ trả lời sau....

VIÊN - ÂM



VÀO HỘI PHẬT-HỌC CÓ LỢI ÍCH GÌ ?

NAM-MÔ BỒN-SU THÍCH-CA MÀU-NI PHẬT

Thưa quý ông quý bà, hôm nay tôi giảng về vấn đề vào Hội Phật học được những lợi ích gì, nhưng trước khi nhập đề, tôi xin nói qua đạo Phật là thế nào đã.

Người đời nguyên do một niệm muốn tránh khổ được sướng, mà nghĩ ra lý này lập ra thuyết khác, đề làm cho đạt cái mục đích « lý khổ cầu lạc » vì thế trong thế giới mới sản xuất ra các nhà Tôn-giáo.

Về bên A-đông ta có ba Tôn-giáo là Đạo-giáo, Nho-giáo và Thích-giáo. Đạo-giáo chuyên dạy về lối hình nhị thượng, như những phép tăng-bình biến-hóa, trường sanh bất lão v. v. là lối dạy siêu thoát ra ngoài thế-gian. Nho-giáo phần nhiều dạy về lối hình nhi-hạ, như những phép tu thân, tề-gia, trị-quốc bình thiên hạ, là lối dạy về thực-tế trong thế-gian, còn Phật-giáo thời kiêm cả hình-nhi-thượng và hình nhi hạ, như dạy về đường thực-tế, thời có phép Nhân-thừa, không khác chi đạo Nho, dạy về đường siêu thoát thời có phép Thanh-van-duyên-giác, bồ-tát thừa, như đạo Lão; trong tự mới nói qua cái phương-diện lập pháp của đạo Phật, cũng đủ biết đạo Phật là một đạo rất hay rất quý, không kỳ trường hợp nào, không kể thời-gian nào đạo Phật có thể thích-hợp với trình-độ dân-trí được cả, chớ chưa kể đến nội-dung trong ba tạng 12 bộ Kinh, còn bao hàm biết bao nhiêu lý-thuyết khoa học, triết-học và kinh-tế học đời văn minh này. Đạo Phật hay như vậy,

quí như vậy, nên trong nước ta về thời kỳ lịch sử về vang hơn hết, đều là thời-kỳ Phật-giáo thịnh hành cả, tiếc vì lâu nay không ai đem xiên-đương ra, để cho quần chúng biết mà tu tỉnh, vì như một hòn châu báu, cứ cất kín trong rương, thời còn ai biết qui là chi nữa, mới mấy năm gần đây, các nhà trí-thức trong nước ta cùng nhau hô-hào mà tổ-chức ra các Hội Phật-Học, như ở Nam-kỳ và Bắc-kỳ, số hội viên càng ngày càng đông, nên chi công việc hoằng-pháp truyền bá một cách mau chóng, trông người lại ngẫm đến ta, ai có chút đạo tâm lại không nóng lòng vì đạo. Hội Annam Phật học ở Trung-kỳ ta thành lập đã mấy năm rồi, và hội viên được bao nhiêu rồi, không nói ai cũng biết. Hội Phật học chúng ta thành lập đã lâu mà số hội viên còn ít quá. Đó không phải là người Trung-kỳ mình không có lòng tin ngưỡng đạo Phật, chính nhiều người chưa hiểu sự ích lợi của Hội Phật học là thế nào cả, bởi vậy hôm nay tôi xin giảng về vấn đề « Vào Hội Phật học được những lợi ích gì » : Thưa các Ngài, một câu hỏi vào Hội Phật học được những lợi ích gì, là một câu trả lời của một người bán quang, không thuộc tôn giáo nào khác, chính là những người vốn trọng Phật, mà đến khi chúng ta có khuyên vào hội, thời họ đáp lại câu như vậy, vậy câu trả lời đó, tuy là tầm thường, nhưng đương lúc chấn hưng Phật Pháp, chúng ta cũng nên giải quyết cho rõ, để họ khỏi phải nghi ngờ gì nữa. Như trên đã nói, người đời nguyên vì một niệm muốn tránh khổ được sướng, cũng vì có cái quan niệm ấy nên mới sanh lòng ngã chấp, rồi bắt câu nói đến việc gì, hoặc làm một việc gì, trước hết trừ tính có lợi cho mình, nhiên hậu mới vui lòng xu hướng. Ta thử xem hiện nay biết bao nhiêu là hội hè, mỗi hội có mỗi hành động khác nhau, nhưng cũng một cái mục đích, chung sức làm việc để cho người ta thấy cái lợi ích mà hàm mộ, ví dụ như muốn lợi ích về sức khoẻ, thời tìm những hội có cách thảo luyện thân thể, như hội thể dục, hội hướng đạo chẳng hạn, ai muốn được lợi ích về nghề chơi, thời tìm những hội có văn thơ âm nhạc như hội Mỹ-Hóa hoặc các hội ca hát nhảy múa chẳng hạn, cái phạm vi của các

lợi kể trên đó có chừng hạn, mà cũng có lợi ích thay, huống nữa một hội thờ một chủ nghĩa tôn giáo kiêm cả hình nhi thượng và hình nhi hạ, nghĩa là có đủ phương pháp dạy người ta học làm người cho được hoàn toàn nhân cách, để sinh tồn trong thế gian này, lại dạy người ta có phép giải thoát luân-hồi ra ngoài vòng thế gian nữa, như Hội Phật học của chúng ta đây mà không có lợi ích gì hay sao, nếu không có lợi ích gì thì sao các nước văn minh bên Âu-mỹ họ đại gì xuất bạc ra hàng ngàn hàng vạn để làm nhà Hội khảo cứu giáo lý nhà Phật. Còn trong nước ta biết bao nhiêu là hạng tri-thức, họ cũng đại chi mà tốn công hao của, mà tổ chức ra các hội Phật-học, quyết-nhiên họ đã nhận rõ đạo Phật là đạo rất thích-hợp với dân trí đời bây giờ, nên mới lập ra Hội-Phật-học, để cùng nhau hưởng chung lợi ích, như vậy thì vào Hội Phật-học có lợi ích làm chi, ai có xem đến điều-lệ và qui-tắc của Hội mới biết, người xưa đã ví Phật pháp như hòn núi bửu sơn, ai đi tới núi, không lượm được nhiều cũng lượm được ít chứ không ai về tay không, tôi cũng xin xướng to lên rằng : ai vào Hội Phật-học cũng có lợi chứ không có hại, lợi về tinh-thần, lợi về hình-thức, lợi cho bản thân, lợi cho xã-hội nói ra không cùng mà kể ra cũng không hết được, nhưng nói tóm lại, sự lợi ích của Hội Phật, không ngoài bốn chữ « tự-lợi tự-tha ».

Tự-lợi nghĩa là cái gì có thể bổ ích cho thân tâm mình, thời nên mình làm, cái gì có thể thiệt-hại đến tánh mạng tài sản của mình, thời mình nên tránh, nhưng cũng không nên làm một việc gì mà xâm phạm đến quyền lợi của người ta, thời dù có bổ-ích cho mình, mình cũng không nên làm, lại cũng có khi làm một việc gì giúp được tai nạn cho người ta, dù có thiệt-hại đến tánh mạng tài-sản của mình, mình cũng không nên tránh, thế mới là tự-lợi, còn lợi tha là cái gì bổ ích cho mình thời mình cũng muốn cho người ta được bổ-ích, những điều gì mình cho là thiệt-hại, thời mình cũng cho người ta khỏi thiệt-hại, tự-lợi và lợi-tha, tuy có khác nhau, nhưng tự-lợi đề mà lợi-tha, mà lợi tha tức là tự-lợi, hợp lại thời hay, mà phân ra thời dở, vì nếu chỉ biết tự lợi, mà không biết lợi tha, thời

con người ấy gọi là ích kỷ, đã ích kỷ thì không bỏ ích cho xã-hội, mà có được lợi cũng là tiêu lợi, chớ đến khi thụ hại, lại là đại hại. Chúng ta thử xem những điều bỏ ích cho thân tâm, có gì bằng được nghe những câu nói có đạo lý hay ho hay không ? Đức Khổng-Tử nói rằng : « Tiêu vàn đạo tịch tử khả hỹ », nghĩa là buổi mai được nghe đạo, dù buổi chiều có chết cũng cam tâm ; chúng ta lại thử xem những điều thiệt hại cho tánh mạng, có gì bằng ba cái độc « tham, sân, si » hay không, Kinh có câu rằng « chúng sinh sở tạo chư ác nghiệp, giai do vô thủy tham sân si », nghĩa là những ác nghiệp của chúng sanh tạo ra, là đều do ba cái độc tham sân si, từ đời vô thủy. Vậy chúng ta muốn nghe chánh đạo để duyệt trừ ba cái độc tham sân si ấy, thì chúng ta phải vào hội Phật Học, vì hội Phật-Học là một nơi gây dựng đạo lý rất vững bền chắc chắn, một nơi diễn giảng đạo lý rất rõ ràng, trên có các bậc đạo-sư, dưới có các bạn đạo-hữu, nói một lời toàn là mũi đạo, làm một việc toàn là việc đạo, đó không phải là chúng tôi nói ngoa đâu, ai có vào hội mới chứng nhận rõ. Các ngài thử xem trong khi hội Phật-Học nhóm họp một nơi nào, bàn luận một việc gì, có ai đem những câu trai gái đao đi cờ bạc ra mà bàn tán cho nhau không, vẫn biết các hội tinh thần khác, cũng đều không có như vậy cả, nhưng đã gọi là hội, mà không có cái tánh chất đạo đức, thì trong khi tụ hội đùa chơi, có làm thủ vị làm cho lòng dục người càng thêm bùng bãi, còn vào hội Phật-Học, thì quyết nhiên được nghe điển kinh, được nghe thuyết pháp, tại mình nghe quen những điều hay đều lành, thì tâm mình thường thường niệm đến, thế nào là tham sân si, làm thế nào là duyệt trừ được hết ; lẽ tất nhiên tâm trí mở mang dần dần, thì ba cái độc tham sân si, cũng theo thời gian mà lần lần duyệt trừ được cả, ngàn có câu rằng : gần đến thời sáng là vậy, đó là do nơi tinh-thần mà được lợi-ích, còn có khi do nơi hình-thức mà được lợi-ích cũng nhiều, do nơi hình-thức là thế này, xưa nay chỉ trừ những bậc Thánh hiền hào kiệt, ít khi phải do nơi hình-thức kích thích ở bề ngoài, mà tự các ngài sinh ra đấng được chân-tĩnh, cũng do phát lộ ra mà làm nên công việc, còn

người thương phần nhiều. « Cổ danh tư nghĩa » mới làm được việc hay, việc phải, ví dụ : Một người ra ứng cử nghị viên, mà hình nhụt tánh vốn lười biếng, không biết dân sinh quốc kế là gì, nhưng đến lúc trúng cử, thời phải nghĩ đến cái danh một ông nghị, rồi gia công «khảo cứu tập tành», cũng thành một tay có kiến thức trong khi nghị sự ; lại ví dụ Một người ra ứng mộ Chiến binh, mà binh nhụt tánh vốn nhút nhát, bề nói đến đầu tên mũi đạn là sợ, nhưng đến khi lâm trận, thời phải nghĩ đến cái danh con nhà binh lính, rồi phấn chấn tinh thần bạo đạn, cũng thành một tay có can-dảm trong chốn chiến trường, đó là toàn nhờ nói hình thức kích thích ở ngoài mà được lợi. Vào hội Phật-Học cũng vậy, tôi nghiệm như tôi cũng đủ biết, nguyên khi tôi chưa vào hội, trông thấy cái gì cũng ham cũng muốn, không những đồ cần thiết ham muốn đã đành, cho đến những vật không cần thiết cũng mưu cầu làm sao cho thỏa dục vọng, đó là lòng tham, đã tham lại sâu, mới có chút bất bình thời đã nóng nảy nổi sân, rồi sanh ra oán người nọ ghét người kia, biết mấy phen đã vì sân mà bị nhiều điều thiệt hại, còn một tánh si rất kỳ quái, si cho đến nỗi đem thân tâm đẩy dọa ở dưới quyền họa phúc, làm khi biết trái mà cứ làm, biết phải mà không sao theo được, đó là quá si, hóa ra mê-tin. Thế mà từ khi tôi vào hội Phật-Học đến nay, nhờ được hai chữ Phật-Tử phô bày ra trước mắt, một đôi khi có vi vọng niệm, nó xui làm những điều bậy bạ, thời thốt nhiên bụng bảo dạ rằng, mình là hội-viên của Hội Phật-Học, phải giữ thể nào cho xứng đáng hai chữ Phật-Tử, ấy cũng nhờ hình thức bề ngoài, mà làm lúc ngăn ngừa lại được cái lòng dục vọng, nay chưa một mảy, mai bớt một ly, ý nơi tưởng mà nhập tánh, dần dần thành ra thói quen, mà gây thêm được sức chính nhân có càng bản, tuy bây giờ tôi cũng còn tham sân si, chứ chưa dám quyết rằng đã chưa được hết, nhưng có tham cũng không tham quá độ, có sân cũng không sân vô lý, có si cũng không đến nỗi u mê ám chướng, ấy là lợi ích chứ sao nữa. Có người bảo rằng, vào hội Phật-Học để làm chi, là để mà tu, vậy muốn tu, không phải vào hội cũng có thể tu được,

cũng ăn chay cũng niệm Phật, cũng làm những việc từ-thiện, thế là tu, cần chi phải vào hội thêm phiền. Người nói như vậy, chưa hiểu Phật pháp là thế nào cả, kinh Đại thừa khải tinh, có dạy rằng : Phật pháp dù cả nhân duyên mới gọi là Phật pháp, coi đó đủ biết, chúng ta tuy có cái sức nổi nhận huấn tập, rồi, nhưng cũng phải nhờ có ngoại duyên làm trợ lực mới được, bởi vậy chúng ta phải vào hội Phật-Học, để nhờ các bậc thiện trí thức trở đường dẫn lối, mới có thể phá trừ mê hoặc mà chứng nhận được Phật pháp. Huống chi vào hội không những lợi-ích cho cá nhân, chính đề chung lưng góp sức làm lợi cho xã-hội nữa.

Thế nào là lợi cho cá-nhân, như trên đã nói, lợi về tinh-thần, lợi về hình-thức, là cái lợi của cá-nhân, vì rằng chúng ta, ai cũng có thân, ai cũng muốn cho thân được sung sướng nhưng khổn nỗi cái thân tứ đại này, cái thân ngu nần này, trong thời tinh thần về đường khách quan chủ quan, ngoài thời dục thể, về đường sinh kế, không lúc nào được yên ổn từ tại cả, muốn sướng mà không được sướng, đành chịu khoan tay lãn lộn đắm chìm trong bể khổ, nào là làng sóng lục đục, nhồi hết lớp nọ sang lớp kia, nào là ngọn gió bất phong, thổi hết trận này qua trận khác, nếu chúng ta không sớm liệu, đưa chiếc Thuyền-Tử, để vượt khỏi biển mê, bước lên bờ giác, thời chẳng vụng về lấm ru. Ngạn có câu rằng : Linh đình giữa chốn Diêm-phù khéo tu thời nổi, vụng tu thời chìm, vậy chúng ta muốn khéo tu phải vào hội Phật-Học, như trên đã nói, hội Phật-Học có đủ phương dạy người học cho được hoàn toàn nhân cách, lại dạy người tu để giải thoát ra ngoài vòng sanh lão bệnh tử là bốn cái cảnh khổ của đời người, nếu chúng ta vào hội mà giữ được cái tâm Bồ đề cho kiên cố, cái lòng chính tín cho vững vàng, thời không những đối với thuận cảnh, yên vui đã đành, mà đối với nghịch cảnh, chúng ta cũng không chán nản, rồi sinh ra làm việc gì, cũng làm hết nghĩa vụ, chức trách, cho xứng đáng một người Phật-Tử. Một người

Phật-Tử xứng đáng tức là một người đôn lương thiện của xã-hội, có phải là mình được lợi và xã-hội cũng được lợi hay không ?

Thế nào là lợi cho xã-hội.

Đương lúc văn minh vật chất này, người đời phần nhiều chú trọng về vật chất, mà xao lãng bên tinh thần, như bài diên giảng ngày lễ Phật đản năm nay, tôi đã nói đến, cái hại thiên trong vật chất, không những là việc chiến tranh to lớn, mà còn những tấn kịch lạc vật, hàng ngày phát hiện trên báo chương, như là vì cờ bạc rượu chè trai gái, tham tài tham sắc, đến nỗi, táng thân hại mạng, kẻ ra không xiết, đứng trước cái cảnh tượng thế thảm như vậy ai có chút đạo tâm, lại không muốn mượn cơ quan đạo đức để xây chuyền mà cứu ít nhiều, cơ quan đạo đức đưa vào dân, đưa vào nho-học chẳng, đối với phong trào, với hiện tượng đời này, thời nho-học đã không thích hợp được nữa, vậy toan dựa một mình Âu-hóa chẳng, xét trình độ dân trí người mình, thời Âu-hóa chưa tiêm nhiễm được lắm, bởi vậy các nhà trí thức trong nước đã suy cùng nghĩ tận, phải đem Phật giáo ra thay Nho-giáo, và giúp Âu-hóa dễ bồi bổ nhân tâm thế đạo lại, nay chúng ta vào Hội Phật-Học, là để giúp đỡ công việc hoàng-pháp cho mau chóng, may ra đạo Phật một ngày một thịnh, thì trong một nhà có một người thiện, trong một nước có trăm ngàn người thiện, trong một làng có một nhà thiện, thời trong một nước có muôn ức người thiện, lo gì nước không trị, thiên hạ không binh, ngày xưa vua Hán-Văn-Đế nói với ông Thi-Thần là ông Hà-Thượng-Chi rằng : “Thiên hạ ai cũng theo Phật pháp thời ta chỉ ngồi mà trị cũng đủ”. “Làm cho thiên hạ thái bình”. Xem đó thời biết Ngài Thái-Hư Pháp sư lấy câu : “Nhân tu thập thiện, tác quốc gia đại trị.” mà làm bài luận quảng cứu quốc, không phải là quá đáng, mà ngày nay nước ta có các Hội Phật Học, cũng không phải là vô bổ, chúng ta vào Hội Phật Học, cũng không phải là theo câu.

Nói tóm lại, vào Hội Phật Học có nhiều lợi ích, chưa dám nói những sự lợi ích vĩnh viễn, đời đời kiếp kiếp, những lý tưởng cao siêu huyền diệu, không phải lấy phạm tinh mà tự nghị được, chớ còn như lợi trước con mắt mình, như lợi cho bản thân thời lợi về tinh thần, lợi về hình thức, đường nào cũng lợi, lợi cho nhà mình, một mình mình làm việc Phật, thời cả nhà mình cũng bác chước mà làm việc lợi ích cho nước mình, mình đã biết được Phật pháp, thời mình có thể tùy duyên hóa độ cho quần chúng khỏi phải sai đường lạc lối. Huống chi làm người phải có tôn giáo, để làm nơi xu hướng, nếu chúng ta chưa theo tôn giáo nào khác thời Hội Phật Học là một nơi có cái tôn giáo tối cổ của nước nhà, chúng ta phải vào Hội để cùng nhau lo chung mà bảo tồn lấy, lời đáp từ của Cựu Thượng Bộ Quốc-Dân Giáo-Dục, trong khi Ngài đi thăm các trường Tăng-học ở chùa Bảo-Quốc và chùa Tường-Vân, đại ý nói rằng đạo Phật rất có ảnh hưởng với nền luân lý, đạo đức nước ta, ai là người muốn bảo tồn lấy tinh thần dân tộc Việt-Nam ta, thế tất phải tâng thành cho Hội Phật Học. Vậy chúng ta vào Hội Phật Học là để bảo tồn lấy Phật giáo, có một sự rất quý, là bảo tồn một mình đạo Phật mà có thể bảo tồn được cả Đạo Nho, Đạo Lão là các nhà đại triết học bên Á-Đông này, cái lợi ích đó mới thiệt là vô cùng vô tận.

LÊ-MAI-ĐÌNH



THI - LÂM

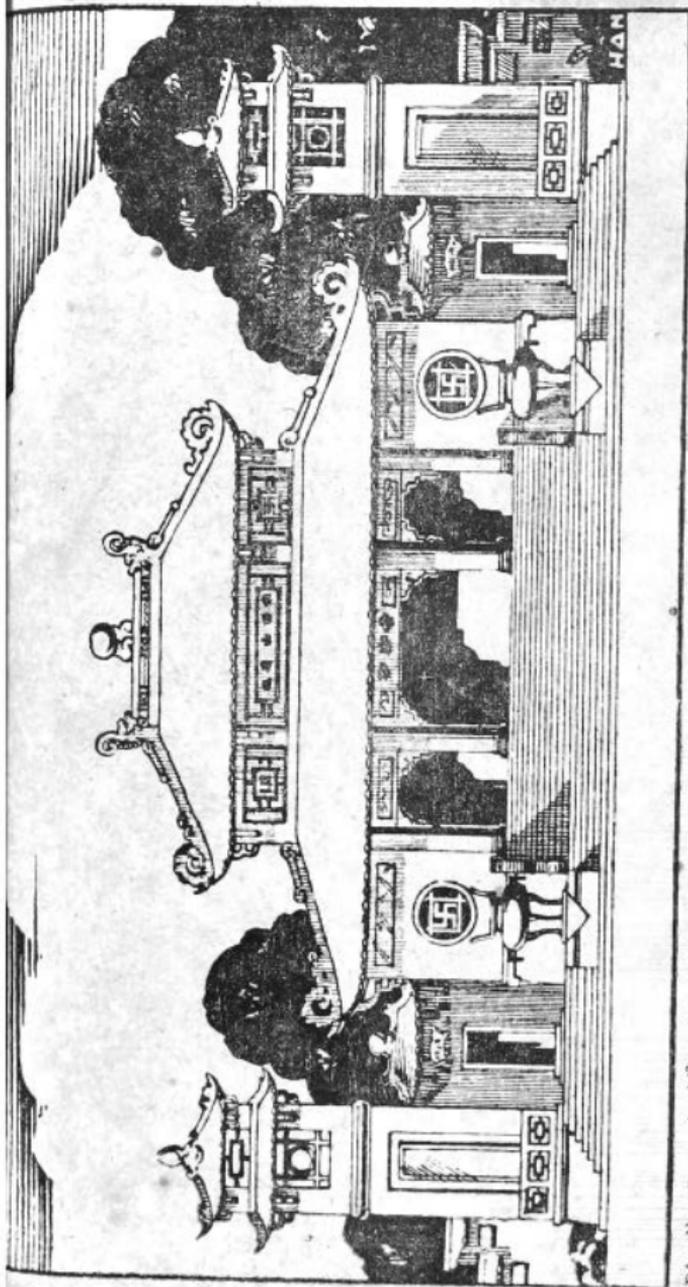
Dịch nôm hai bài nguyên xướng đăng số 25

敬送遊學僧正信禪兄歸北

百城烟水上峨眉
權攝無爲作有爲
塵刹毛端君早契
身雲心月我猶疑
淚從識海麻衣濕
霧鎖長天鴈影希
歸去幸蒙無見棄
山溪重訪舊相知

Quyết tìm cho dạng núi nga-mi,
Phạm, thánh tùy duyên có ngại chi ;
Cảnh hiện đầu lông ai đã rõ,
Trăng lông dây nước tớ còn nghi,
Trời đông lạnh-lẽo chim lia bạn,
Biên ái voi đây lệ thấm y ;
Đất củ tạm đưa người trở lại,
Cùng nhau gặp gỡ hãy nhiều khi.

B. P.



Đây là mặt trước kiểu chùa Hội-Quán của Anam Phật-Học tại Huế sắp làm trên miếng đất gần cung An-Định của nhà nước cho hơn hai mẫu. Về nội-dung và các mặt khác của chùa Hội-quán sẽ xin đăng các kỳ sau.

和原韻

萬光重出就峨眉。
實性如如不必爲。
心境誰分與誰合。
刹塵無別又無疑。
茫茫業識隨緣起。
露露真常識者希。
歸去何方到何所。
本來如是幾人知。

Nga-mi rục rỏ bóng hào-quang.
Bản tánh như-như khó luận bàn.
Tâm cảnh chắc chi không với có,
Sát trần đâu phải hiệp và tan ;
Dòng sông nghiệp thức đua nhau tới,
Mé biên chơn thường mấy kẻ sang,
Vi biết duyên-sanh là mộng-huyền,
Phật-Đà không ngại giữa trần gian.

KÍNH CÁO

CÙNG QUÍ VỊ ĐỘC - GIẢ VIÊN - ÂM

Chúng tôi xin thưa cùng các bạn, Viên-Âm năm thứ ba này, chẳng những thay đổi bìa và tượng Phật mà lại còn sửa đổi các bài vở cho thêm nhiều về mới.

Lâu nay chúng tôi có nghe nhiều bạn phàn nàn về chỗ Viên-Âm bài vở quá cao khó hiểu, nay xin tùy thuận các bạn - than phiền ấy mà mở vài mục dễ hiểu, lại mở thêm mục tranh biện về đạo-lý để các nhà hữu tâm hoặc tán-thành hoặc công-kích, miềng bài có ý nghĩa, thì chúng tôi xin đang đề quyết nghị cho độc-giả.

Vậy ai là bạn tri-thức của Viên-Âm? Ai là bạn tán dương Viên-Âm? Xin rạo cổ động cho Viên-Âm năm thứ ba này được vững vàng.

Hiện nay tòa-soạn Viên-Âm đã dọn tại đường Nam-Giáo-Huê, lại có đặc nhiều bạn giúp việc, ai cần hỏi gì về đạo-lý hoặc tin tức về đạo Phật, xin cứ viết thư kèm theo tem (timbre) chúng tôi sẽ xin trả lời.

NAM MÔ HỘ-PHÁP ĐỒ-TÁT MA-HA-TÁT

VIÊN-ÂM

Viên-Âm

(LA VOIX PARFAITE)



Nguyệt - San của Hội Phật - Học — Huế

TÒA - SOẠN :

Route Nam - Giao — Huế

Chủ-bút : LÊ-ĐÌNH-THÂM Quản-ly : HOÀNG-XUÂN-BA

Boite postale N^o 73 — Huế



Cải chính



SỐ 25

Trương 50. — Hàng 31, câu các vị Tô-su
đã có công dịch chữ Phạm ra chữ Tàu, chớ
không phải chữ Pháp.

Trương 63. — Biên bản ngày 29 Juin 1937
và biên bản ngày 6 Juillet 1937, xin đề ra trước
biên bản ngày 13 Juillet 1937 nơi mục việc vậ

